TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 841/2023/HS-PT
Ngày: 01 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông H Minh Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đinh Thế Mạnh, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 10 và ngày 01 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 468/2023/TLPT- HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Hồ Ngọc T, Trần Ngọc H, Trương Chí H, Nguyễn Văn Đức, Bùi Quang Chung, Trịnh Tuấn Anh, Phạm Hồ Bảo D, Mai Xuân Phốt, Nguyễn Quốc Dũng, Nguyễn Anh Tuấn, Phạm Văn Thành, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Văn Hùng, Chung Trần Phương D2, Phạm H Việt, Dương KH An do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2023/HSST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Hồ Ngọc T (tên gọi khác là Tý), sinh năm 1989 tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú: K5/7 Tổ 34, Đỗ Quang, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Số 35 Nguyễn Thế L, phường An H Bắc, quận S, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn B và bà Cao Thị Xuân T; có vợ là Dương Thị Quỳnh Gi và 02 con (sinh năm 2014 và năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Ngọc H sinh năm 1983 tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú: Phòng 2B, Tầng 2, Nhà số 41 M, phường An H1 T, quận S, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lái xe Grab; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C và bà Trần Thị Th;

có vợ là Trương Ngọc L và 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

3. Trương Chí H1 sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số 685/30/7A X, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do (nguyên là cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an quận B, đã xuất ngũ); dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L và bà Lê Thị Ngọc O; có vợ là Phạm Thị Kh và 02 con (sinh năm 2017 và năm 2019); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn Đ sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: số 184 N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

5. Bùi Quang Ch sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số 39/10B Tổ 7, Ấp 7, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: công nhân; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang N và bà Trần Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

6. Trịnh Tuấn A (tên gọi khác là Bánh Ú), sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 83 B, Phường 5, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C3/21 T7 P, Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quốc T và bà Đặng Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

7. Phạm Hồ Bảo D sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số 821 H, Phường 9, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh vận tải; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Tuyết M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/HSST ngày 30/3/2010, bị Tòa án quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" nhưng cho hưởng án treo;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

8. Mai Xuân Ph (tên gọi khác là Phát), sinh năm 1992 tại tỉnh Quảng Nam;

nơi thường trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: số 91/8 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: lớp 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân N và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Lê Thị Diễm M và 01 con (sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

9. Nguyễn Quốc D1 sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số 181/25 B, Phường 9, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do (nguyên Cán bộ Công an Đội 7, Phòng PC02 đã xuất ngũ); dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Thiên K; có vợ là Trần Quang Thanh X và 02 con (sinh năm 2018 và năm 2021); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Anh T1 sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; nơi thường trú: số 161/29/12 B, Phường 5, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do (nguyên Cán bộ Công an Phường 5, Quận 5 đã xuất ngũ); dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh T và bà Trần Thị Đ; có vợ (không đăng ký kết hôn) và 01 con (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/6/2020 (có mặt tại phiên tòa).

11. Phạm Văn Th (tên gọi khác là Cò), sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Thuận; nơi thường trú: Thôn 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: số 493/2 L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 6/12; nghề nghiệp: đầu bếp; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/7/2020 (có mặt tại phiên tòa).

12. Nguyễn Chí Th1 (tên gọi khác là Lì, Đen), sinh năm 1998 tại tỉnh Bình Thuận; nơi thường trú: Xóm 3, Thôn 7, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở số 148/11/5 Đường số 59, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: đầu bếp; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và Trần Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 13/9/2016, bị Công an Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0047871/QĐ-XPHC về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 750.000 đồng, bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị bắt tạm giam ngày 28/7/2020 (có mặt tại phiên tòa).

13. Phạm Văn H2 sinh năm 1994 tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Thôn 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Phạm Đức H (tên gọi khác là Phạm Văn H) và bà Đỗ Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/7/2020 (có mặt tại phiên tòa).

14. Chung Trần Phương D2 (tên gọi khác là D não), sinh năm 1987 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi thường trú: số 303 P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Căn hộ số 10, Lầu 13, Chung cư H3, số 384 H, Phường 6, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chung K và bà Trần Thị Phương L; có vợ là Nguyễn Thị Thanh V và 02 con (sinh năm 2018 và năm 2020); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/11/2020 (có mặt tại phiên tòa).

15. Phạm H V sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp L, xã A, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Bình Dương; chỗ ở trước khi bị bắt: số 382/8 N, Phường 9, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Đào Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 25/11/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức".

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/7/2020 trong một vụ án khác, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa theo Quyết định thi hành án phạt tù số 136/2020/QĐ-CA ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10 (có mặt tại phiên tòa).

16. Dương KH A1, sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số 268/2 H, Phường 14, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Vi N và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 31/3/2017, bị Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0028373/QĐ-XPHC về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 2.500.000 đồng, bị cáo đã nộp tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/11/2020 (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa do các bị cáo mời:*

1. Luật sư Trần Bá Học thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV Trần Bá Học bào chữa cho bị cáo Hồ Ngọc T. (Có mặt)

2. Luật sư Nguyễn Thiện Phước và Luật sư Vũ Thanh H1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH Nguyên An bào chữa cho bị cáo Trịnh Tuấn Anh. (Có mặt)

3. Luật sư Lê Thị Ngọc Anh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH Thịnh Vượng bào chữa cho bị cáo Trương Chí H1. (Có mặt)

4. Luật sư Trần Minh Hùng và Luật sư Nguyễn Mộng Điệp thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng luật sư Gia Đình bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Hoàng. (LS Hùng có mặt, LS Điệp vắng mặt)

5. Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Thi thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng Luật sư Quỳnh Thi bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc H và bị cáo Nguyễn Anh Tuấn. (Có mặt)

6. Luật sư Nguyễn Văn Chiến thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng Luật sư Minh Vũ bào chữa cho bị cáo Phạm Hồ Bảo Duy. (Có mặt)

7. Luật sư Trương Vinh Quang thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Hiền bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Dũng. (Vắng mặt)

8. Luật sư Đoàn Anh Phương Vũ và Luật sư Huỳnh Trọng Nghĩa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Văn phòng Luật sư Chung Vinh bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn Đức, Bùi Quang Chung, Phạm Hồ Bảo Duy, Mai Xuân Phốt, Nguyễn Quốc Dũng. (Vắng mặt)

9. Luật sư Bùi Trung Linh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH Lộc Phúc & Thịnh bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn Hùng, Phạm Văn Thành, Nguyễn Chí Thanh. (Vắng mặt)

10. Luật sư Nguyễn Trung Tín thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định, làm việc tại Văn phòng Luật sư Hoa Sen bào chữa cho bị cáo Chung Trần Phương Duy, Phạm Hoàng Việt, Dương KH1 An. (Vắng mặt)

11. Luật sư Trần Thị Kiều Hạnh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tại Công ty Luật TNHH Trần Hạnh và cộng sự bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc Dũng. (Có mặt)

- *Người bào chữa chỉ định cho các bị cáo:*

1. Luật sư Vũ Thanh Hà thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Bùi Quang Ch, Trịnh Tuấn A, Phạm Hồ Bảo D. Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Quốc Thành thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Phạm H V, Dương KH A1. (Có mặt)

3. Luật sư Hồ Quang Tân Phong thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H2. (Có mặt)

4. Luật sư Lê Mạnh Cường thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Mai Xuân Ph, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1. (Có mặt)

5. Luật sư Nguyễn Tri Thắng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

bào chữa cho bị cáo Chung Trần Phương D2. (Có mặt)

6. Luật sư Vũ Quốc Toản thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Hồ Ngọc Tài. (Có mặt)

7. Luật sư Huỳnh Túy Giang thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc H. (Có mặt)

8. Luật sư Trần Thị Ngọc Diệp thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trương Chí H1. (Có mặt)

9. Luật sư Phạm Mạnh Tuân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ. (Có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo:* Anh Lê Đức Ng sinh năm 1988. Trú tại: Căn hộ 023.04 Chung cư V, số 2 Nguyễn, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nguyễn Xuân Thọ và Luật sư Nguyễn Thị Cẩm Thúy thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV Tri Thức Vàng, cùng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Đức Ng. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Trương Ngọc L sinh năm 1984; nơi thường trú: số 122/29 T, phường B, quận H, Thành phố Đà Nẵng; nơi ở: số 85 N, phường H, quận H, Thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam; trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà PaxSky, số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/02/2023): Ông Trần Văn Dương, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình đầu tư, kinh doanh tiền điện tử, Hồ Ngọc T và Trần Ngọc Hoàng quen biết anh Lê Đức Nguyên. Theo Tài thì vào năm 2018, Tài đã nghe anh Nguyên tư vấn bán khoảng 1.000 Bitcoin tương đương 100.000.000.000 đồng để mua các loại tiền điện tử mới như Aureus, Ifans… trên các sàn giao dịch điện tử quốc tế và bị thua lỗ mất hết số tiền đầu tư. Tài cho rằng việc mình thua lỗ là do bị anh Nguyên lừa nên Tài đã rủ H cùng tìm anh Nguyên để đòi lại số tiền đã mất thì H đồng ý. T dò hỏi thông tin cá nhân của anh Nguyên qua một số người cũng kinh doanh tiền điện tử như: Lâm H Thạch, H Thị Cẩm Ngọc, Nguyễn Thị Thu Hà, Trương Mạnh Cường.

Vào khoảng tháng 3/2020, qua thông tin của bạn là Trần Mạnh Cường cung

cấp, H biết anh Nguyên đang trú tại Chung cư Vista Verde, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, nên H đã đến tìm nhưng không gặp anh Nguyên. Sau đó, Tài gặp và đặt vấn đề với Trịnh Tuấn A (bạn cùng kinh doanh tiền điện tử với Tài) về việc tìm anh Nguyên và thỏa thuận sẽ chia cho Tuấn Anh 30% số tiền lấy được của anh Nguyên thì Tuấn Anh đồng ý. Tuấn Anh đã nhờ Trương Chí H1 đi tìm anh Nguyên nhưng không có kết quả.

Một mặt Tài nhờ Tuấn Anh, H tìm anh Nguyên, mặt khác Tài nhờ Mai Xuân Ph tìm nhà anh Nguyên từ cuối tháng 4/2020 nên Phốt đã thuê Mai Trung Thực với giá 15.000.000 đồng, Thực đồng ý và đã tìm được chỗ ở của anh Nguyên tại Chung cư Sarina, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi ở khác của anh Nguyên) nhưng Thực yêu cầu pH đưa thêm 10.000.000 đồng nên Tài đồng ý và đã đưa thêm cho Thực.

Sau khi tìm thấy nơi ở của anh Nguyên, ngày 10/5/2020, H rủ Phan Văn Thông (tức Đen), Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn Phúc cùng trú tại thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk vào Thành phố Hồ Chí Minh cùng Phốt, Tài và H để gặp anh Nguyên nhằm đòi tiền.

Trưa ngày 11/5/2020, T, Hoàng và Thông đến quán cà phê Highland trong Khu đô thị Sala, Quận 2 gặp Phốt và Thực để xác nhận địa chỉ nhà của anh Nguyên. Tại quán cà phê, Tài điện thoại gọi Trịnh Tuấn A đến ngồi cùng bàn với Tài, H và Phốt bàn cách thức tiếp cận và chặn xe của anh Nguyên lại để uy hiếp lấy tiền, còn Đức và Phúc tới ngồi ở bàn khác cùng với Thông và Thực. Sau đó, Thực đến hầm Chung cư Sarina kiểm tra không thấy xe ô tô Lexus màu trắng, biển số 49A-178.67 của anh Nguyên, nên Tài, H, Thông, Đức và Phúc về Khách sạn A25 ở số 20 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nghỉ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/5/2020, T, Hoàng gặp Tuấn Anh và Trương Chí H1 bàn bạc thống nhất việc thuê xe ô tô và tìm thêm người để khống chế anh Nguyên nên H đã nhờ Nguyễn Quốc D1 giúp đỡ.

Về phía Mai Xuân Ph được Tài thuê để tìm nơi ở và theo dõi anh Nguyên. Khi T, Hoàng phát hiện xe ô tô Lexus màu trắng, biển số 49A-178.67 của anh Nguyên đang đậu dưới tầng hầm Chung cư Vista Verde thì T đã chuyển khoản cho Phốt 10.000.000 đồng và chỉ đạo Phốt đi mua thiết bị định vị về gắn lên xe của anh Nguyên. Nhận được tiền, Phốt đã đến Công ty TNHH Kinh doanh và Công nghệ Sao Việt ở phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh mua bộ thiết bị định vị với giá 3.200.000 đồng. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày hôm sau (12/5/2020), Phốt đến bãi gửi xe Chung cư Vista Verde gắn thiết bị định vị lên nhíp ở gầm sau xe ô tô Lexus màu trắng, biển số 49A-178.67 của anh Nguyên, rồi hướng dẫn Tài tải phần mềm định vị về cài đặt trên điện thoại của Tài.

Theo yêu cầu của H, Nguyễn Văn Đ đã liên hệ với Công ty TNHH Royal Car ở quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thuê xe ô tô Innova biển số 59G-79919, tiếp đó Đức gọi điện thoại cho Bùi Quang Ch cùng tham gia và bảo Chung đi mua 02 ống kim tiêm bằng nhựa (dài khoảng10cm, đường kính khoảng 01cm) đưa cho Đức thì Chung nhận lời. Đồng thời, Chung rủ thêm bạn

là Phạm Văn Thành tham gia, rồi Thành lại rủ thêm Nguyễn Chí Thanh và Phạm Văn Hùng cùng tham gia, Thành hứa sẽ chia tiền cho Thanh và Hùng sau khi đòi được tiền.

Chiều ngày 12/5/2020, tại quán cà phê số 2, đường Phạm Văn Đáng, phường Thạnh Mỹ Lợi (gần Chung cư Vista Verde), T đặt mua qua mạng internet 02 khẩu súng bắn đạn bi của Trương Phi Đạt với giá 950.000 đồng/khẩu (01 khẩu Tài dùng để sử dụng vào việc đe dọa anh Nguyên, 01 khẩu Tài mua giúp Đức để Đức mang về nhà sử dụng). Cũng tại đây, Tài và H thông báo cho Đức, Chung, Thành, Thanh, Hùng, Thông và Phúc biết anh Nguyên đang ở Chung cư Vista Verde, đợi khi anh Nguyên ra khỏi chung cư mọi người sẽ hỗ trợ, giữ lại để Tài đòi tiền. Khoảng 19 giờ cùng ngày (12/5/2020), qua định vị thấy xe ô tô của anh Nguyên đi ra khỏi Chung cư Vista Verde nên Phốt đi xe gắn máy theo và gọi điện báo cho T biết. Tài kiểm tra định vị theo dõi thấy xe ô tô của anh Nguyên đang đỗ ở lề đường Khu đô thị Sala, Quận 2. T, Hoàng, Đức, Chung, Thông, Phúc và Hùng đã đi xe ô tô Innova biển số 59G-799.19 đến đậu xe phía bên kia đường chờ đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh Nguyên lên xe ô tô đi về hướng Chung cư Vista Verde thì Phốt và nhóm của Tài đi xe bám theo sau. Khi tới cầu Thời Đại, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 thì Phốt điều khiển xe gắn máy đâm vào đầu xe ô tô của anh Nguyên, làm xe máy ngã chặn ngay trước đầu xe ô tô. Phốt yêu cầu anh Nguyên xuống xe giải quyết việc va chạm, nhưng anh Nguyên không xuống xe mà cho xe ô tô lùi lại, lách qua xe máy của Phốt chạy đi. Sau đó, thấy việc đòi nợ như trên là trái pháp luật, nên Thông lấy lý do pH về Đà Nẵng chăm sóc vợ mới sinh, còn Phúc lấy lý do pH về Đắk Lắk để ký giấy tờ cho mẹ làm thủ tục đáo hạn ngân hàng để từ chối tiếp tục tham gia chặn xe đòi nợ anh Nguyên.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 13/5/2020, T và H báo cho Trịnh Tuấn A, Trương Chí H1 biết đã gắn được định vị trên xe ô tô của anh Ng và bảo H1 tìm người, phương tiện đi bám theo xe anh Ng, chọn địa điểm thuận tiện để chặn xe, giữ anh Ng lại để T lấy lại Bitcoin. H1 nhận lời và nói không được mang theo hung khí, nếu pH1 dùng vũ lực với anh Ng thì dùng tay đánh nhằm không để lại dấu vết và pH1 rút dây, vứt bỏ thẻ nhớ của camera hành trình gắn trên xe của anh Ng. Sau đó, Tài cài đặt phần mềm định vị xe của anh Ng trên điện thoại của H. Tiếp đó, T và Tuấn Anh đi mua thêm 02 cây búa có đầu nhọn để dự phòng trường hợp anh Ng không xuống xe sẽ dùng búa đập vỡ kính để mở cửa xe. Chiều ngày 13/5/2020, Tài nhận được khẩu súng bắn đạn bi bằng nhựa từ người giao hàng, đến tối cùng ngày, T điện cho Tuấn Anh nói sẽ trả công 500.000.000 đồng cho người lái xe va chạm với xe anh Ng nên Tuấn A điện thoại thông báo cho H. Từ đó, H đã điện thoại cho Nguyễn Quốc D1 để tìm người lái xe va chạm với xe anh Ng. Cũng trong tối ngày 13/5/2020, Đức đi trả xe Innova biển số 59G-79919 và đi mua thêm băng keo, thun y tế rồi bỏ các đồ vật này cùng hai ống kim tiêm đã mua trước đó vào túi ny lông, để trong phòng khách sạn.

Ngày 14/5/2020, Dũng điện thoại rủ bạn là Phạm Hồ Bảo D đến quán cà phê Đà Lạt Phố, trên đường Huỳnh Mẫn Đạt, Quận 5 để gặp Dũng và H. Dũng đặt

vấn đề nhờ Duy tìm người lái xe ô tô tạo vụ tai nạn với xe ô tô của anh Ng thì Bảo D nhận lời và đưa điện thoại của mình để H cài đặt phần mềm định vị theo dõi xe của anh Ng vào điện thoại của Bảo D. Khoảng 15 giờ cùng ngày 14/5/2020, theo chỉ đạo của H, Đức đã cùng Chung, Thành, Thanh và Hùng đến thuê xe Fortuner biển số 51G-803.73 của Lý Kim Tùng.

Ngày 15/5/2020 qua định vị, nhóm của Tài phát hiện xe ô tô của anh Ng đang ở thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tài và H bàn bạc và thống nhất đợi khi anh Ng về đến đường Đồng Văn Cống, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tạo vụ tai nạn nhằm chặn xe ô tô của anh Ng lại để uy hiếp đòi tiền. Ngoài ra, Phốt còn mua rượu, thuốc lá, tiền âm phủ làm lễ cúng tại các ngã ba, ngã tư trên đường Đồng Văn Cống và quanh khu vực nhà anh Ng ở thuộc phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 để cầu xin mọi việc thuận lợi.

Đến trưa ngày 16/5/2020, nhóm Hồ Ngọc Tài di chuyển chỗ ở từ Khách sạn A25 đường Bùi Thị Xuân, Quận 1 về Khách sạn A25 số 184 đường Nguyễn Trãi, Quận 1. H gọi điện cho Dũng nói bên H1 ít người nên Dũng tìm thêm khoảng 04 người nữa để hỗ trợ khi cần thiết, Dũng đã điện thoại cho Bảo Duy nói tìm thêm người đi cùng. Tối cùng ngày 16/5/2020, Bảo Duy gọi điện cho Chung Trần Phương Duy, Dương KH A1 và Phạm Hoàng Việt rủ sáng hôm sau đi công việc, do đã nhiều lần đi giải quyết công việc với Bảo D và được chia tiền nên Phương Duy, Việt và An đồng ý.

Đến 09 giờ 27 phút ngày 17/5/2020, theo dõi qua định vị phát hiện thấy xe ô tô của anh Ng di chuyển từ thành phố Bảo Lộc hướng về Thành phố Hồ Chí Minh, Phốt định gọi cho Tài nhưng Tài đã gọi điện thoại cho Phốt trước để xác định vị trí xe ô tô của anh Ng. Sau khi biết chính xác vị trí xe của anh Ng thì Tài gọi điện báo cho Tuấn A và H, H điện thoại cho Bảo D biết và cùng hành động như sau:

Xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 do Đức điều khiển chở T, Hoàng, Chung, Thành, Thanh và Hùng đến chùa Minh Đăng Quang ở Quận 2 đợi nhóm H1. Khi lên xe, Chung có cầm theo khẩu súng bắn đạn bi trong túi quần; Chung, Thanh và Hùng chia nhau mỗi người cầm một cuộn băng keo và một cuộn băng thun y tế, Thanh rút mực đỏ đựng trong lọ vào ống kim tiêm, Hùng đưa cho H một cây bút bi để giả làm kim tiêm.

Xe ô tô Ford Everest biển số 51H-263.14 do Nguyễn Anh Tuấn lái đến đón Trịnh Tuấn A và đến nhà H chở H1 cùng đi đến chùa Minh Đăng Quangở Quận 2 gặp nhóm của T, rồi cùng nhau đi lên đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây. Trên đường đi, H1 nói cho Anh Tuấn biết nhóm T đang muốn tìm "con nợ" bằng cách tạo va chạm với xe "con nợ" buộc "con nợ" pH xuống xe để chuyển tiền. Anh Tuấn chở H đi trước dẫn đường, chọn điểm va chạm rồi thông báo cho nhóm của Tài và Bảo D tạo vụ tai nạn với xe của anh Ng.

Xe ô tô bán tải nhãn hiệu Nissan biển số 51C-968.57 do Phạm Hồ Bảo Duy lái đón Việt, An và Phương Duy đi đến điểm hẹn ở cuối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây. Trên xe, Bảo Duy cho Phương Duy, Việt và An

biết việc Bảo Duy sẽ lái xe va chạm với xe "con nợ" để "con nợ" pH1 xuống xe, tạo điều kiện cho "chủ nợ" đến khống chế "con nợ" lấy tiền.

Khoảng 11 giờ cùng ngày 17/5/2020, khi gặp nhau tại điểm hẹn cuối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây thì Bảo Duy, Phương Duy, Việt và An xuống xe cho Tài thấy nhóm của Bảo D đã đủ người. Qua định vị thấy xe ô tô của anh Ng đi đến gần ngã tư Dầu Giây trên Quốc lộ 1A, nên tất cả cùng đi ra Quốc lộ 1A. Theo đó, Anh Tuấn lái xe ô tô Ford Everest biển số 51H-263.14 chở H, Tuấn A đi trước dẫn đường, chọn địa điểm để tạo vụ va chạm với xe ô tô của anh Ng, Bảo D lái xe ô tô bán tải Nissan biển số 51C-968.57 chở Phương Duy, Việt, An; Đức lái xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 chở T, Hoàng, Chung, Thành, Thanh, Hùng theo sau. Trên đường đi, H1 dặn Bảo D khi chặn được xe thì pH kéo dài thời gian, ngăn không cho xe anh Ng chạy đi để nhóm của T tiếp cận, khống chế anh Ng. Trên xe, Bảo D tiếp tục nói cho Phương Duy, Việt và An biết việc lát nữa Bảo Duy sẽ lái xe va chạm với xe "con nợ", sau khi va chạm Bảo Duy xuống xe gặp "con nợ" khống chế đòi tiền, những người còn lại ngồi trên xe không được xuống. Khi ra tới Quốc lộ 1A, tất cả đậu xe bên lề đường hướng về đường rẽ lên cao tốc Dầu Giây - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đợi xe anh Ng đi qua để tiến hành theo kế hoạch.

Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày 17/5/2020, phát hiện xe ô tô Lexus màu trắng biển số 49A-178.67 của anh Ng do anh Vũ Minh Hiếu điều khiển chạy qua, Bảo Duy lái xe ô tô bán tải Nissan biển số 51C-968.57 chở Phương Duy, Việt, An chạy đuổi theo được một đoạn thì đâm vào phần đuôi bên pH1 xe ô tô Lexus màu trắng. Khi xe ô tô bị va chạm, anh Ng và anh Hiếu dừng xe lại, xuống kiểm tra thì Bảo Duy đến nói chuyện rồi gây sự với anh Ng và anh Hiếu, cố tình kéo dài thời gian để chờ nhóm Hồ Ngọc Tài đến, còn Phương Duy, Việt, An vẫn ngồi trên xe ô tô. Ngay sau đó, Đức lái xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 chở T, Hoàng, Chung, Thanh, Thành, Hùng vượt lên, đậu xe chặn trước đầu xe ô tô Lexus. Tại đây, Đức, Chung, Thanh, Thành, Hùng từ xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 bước xuống, đến khống chế anh Ng, anh Hiếu vào ghế sau xe ô tô Lexus. Trên xe Chung dùng khẩu súng bắn đạn bi dí vào đầu anh Ng và anh Hiếu yêu cầu ngồi im nếu không sẽ bắn, Chung cởi áo sơ mi đang mặc chụp lên đầu anh Ng rồi giữ anh Ng và anh Hiếu để cho Hùng bịt mắt, trói tay bằng băng keo, băng thun y tế. Lúc này, Thanh và Thành kéo chị Vũ Thị Hồng Xuyến (vợ anh Ng) cùng cháu Lê Vũ Trâm Anh ra khỏi xe ô tô Lexus sang xe ô tô Fortuner. Về phía Tuấn Anh, H1 và Anh Tuấn ngồi trên xe ô tô Ford Everest biển số 51H-263.14 vượt lên đậu xe chặn trước đầu xe ô tô Lexus để theo dõi, quan sát, khi cần thiết thì hỗ trợ.

Sau khi khống chế được anh Ng và anh Hiếu thì Tài, H từ xe Fortuner sang xe ô tô Lexus, Tài ngồi vào ghế lái, Hoàng ngồi ghế phụ, còn Hùng, Chung, anh Ng, anh Hiếu ngồi băng ghế sau. Trong xe ô tô Lexus Hoàng cầm khẩu súng bắn đạn bi lên đạn dọa sẽ bắn nếu anh Ng không chuyển tiền, rồi H đưa súng cho Chung cầm, Chung tiếp tục cầm súng dí vào đùi anh Ng đe dọa, nếu anh Ng

không chuyển tiền thì sẽ bắn, còn Hùng dùng đầu bút bi giả làm kim tiêm đâm vào người anh Ng và nói sẽ chích kim tiêm máu nhiễm HIV vào người. Sau đó, H quay lại xe Fortuner ngồi ghế phụ, còn Thành từ xe Fortuner sang ngồi ghế phụ xe Lexus của anh Ng. Lúc này, T lái xe ô tô Lexus của anh Ng, Đức lái xe Fortuner, trên xe ô tô do Đức lái có Hoàng ngồi ghế phụ, ghế phía sau có Thanh, chị Xuyến và cháu Trâm Anh, tất cả vào đường cao tốc hướng về Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng 12 giờ 38 phút cùng ngày (ngày 17/5/2020), khi xe qua trạm thu phí Dầu Giây, anh Ng vùng vẫy, đạp chân vào cần số xe nên bị Chung, Hùng đánh vào mặt, Thành ôm, giữ hai chân anh Ng lại. Khi hai xe đi qua trạm thu phí Dầu Giây thì dừng lại để đổi người: Hoàng và Thanh từ xe Fortuner sang xe Lexus, còn Chung, Thành sang lại xe Fortuner. Hoàng lấy điện thoại của anh Ng, ép anh Ng pH đọc mật khẩu để mở điện thoại truy cập vào ví điện tử của anh Ng để thực hiện lệnh chuyển tiền, còn Hùng và Thanh mở băng keo bịt mắt anh Ng nhiều lần để H đưa điện thoại dí sát mặt anh Ng để máy điện thoại nhận dạng khuôn mặt và chuyển tiền nhưng không chuyển tiền được nên Hoàng đưa điện thoại của anh Ng cho T. Tài thao tác chuyển được từ ví TRX, ví BTT của anh Ng trên ứng dụng TronLink sang ví TRX, ví BTT của T trên sàn Binance được tổng số: 0,158 BTC; 105.639.624 TRX; 19.330.000 BTT. Sau đó, nhóm Hồ Ngọc Tài tiếp tục đe dọa, bắt anh Ng, chị Xuyến điện thoại về cho anh Lê Đức Nhất (anh trai của anh Ng) chuyển vào tài khoản của Tài 1.000 Bitcoin, nhưng anh Nhất nghi ngờ anh Ng đang bị khống và không có đủ Bitcoin nên anh Nhất không chuyển.

Sau đó 02 xe ô tô tiếp tục di chuyển và đi được khoảng 10 phút thì cả 02 xe ô tô dừng lại, Thành và Chung đưa mẹ con chị Xuyến từ xe ô tô Fortuner về lại xe ô tô Lexus, Hoàng lái xe ô tô Lexus, còn Thành, Chung và Thanh sang xe ô tô Fortuner cùng đi về Thành phố Hồ Chí Minh. Khi H lái xe ô tô Lexus về đến đường số 90, khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 thì dừng lại. Tại đây, Tài và H đã lấy 01 camera hành trình gắn trên xe ô tô Lexus của anh Ng, 03 điện thoại Iphone của anh Ng, anh Hiếu, chị Xuyến rồi đập bể và vứt tại ruộng lúa gần nơi dừng xe, sau đó lấy khăn nhúng nước lau xoá dấu vết trên xe ô tô Lexus của anh Ng. T chia sẻ địa điểm của Tài qua zalo để Đức đến đón T, Hoàng và Hùng về Khách sạn A25 Nguyễn Trãi, Quận 1. Sau khi Tài và đồng bọn bỏ đi, anh Ng và anh Hiếu đã tự gỡ băng keo, băng thun y tế trói tay, bịt mắt rồi cùng mẹ con chị Xuyến đi ô tô về nhà tại Chung cư Vista Verde.

Về phía Nguyễn Quốc D1: trước đó, H gọi điện nhờ Dũng tìm thêm khoảng 04 người nữa để hỗ trợ khi cần thiết, Dũng đã điện thoại cho Bảo Duy nói tìm thêm người đi cùng và Bảo Duy gọi điện cho Phương Duy, An và Việt. Khi Dũng đang cùng gia đình đi du lịch từ Phan Thiết về Thành phố Hồ Chí Minh, thì Bảo D điện thoại báo cho Dũng biết đã hoàn thành việc khống chế Nguyên, đồng thời Bảo D thông báo nhóm của Bảo D (gồm Bảo D, Phương Duy, Việt, An) đang cùng với nhóm của H (gồm H, Tuấn A và Anh Tuấn) đi về Thành phố Hồ Chí Minh nên Dũng hẹn gặp Bảo Duy tại trạm dừng nghỉ trên cao tốc Thành

phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây. Khi đến trạm dừng nghỉ trên cao tốc, nhóm của Bảo D gặp Dũng, Bảo Duy cho Dũng biết đã thực hiện xong việc va chạm xe, khống chế anh Ng thì Dũng nói với Bảo Duy tạm ứng cho Phương Duy, Việt và An mỗi người 1.000.000 đồng. Trên đường về Thành phố Hồ Chí Minh, H còn điện thoại bảo Tài tháo camera, xử lý bộ nhớ trên xe của anh Ng để tránh bị lưu hình ảnh và không được đánh đập anh Ng và nội dung trao đổi này, Tuấn A và Anh Tuấn ngồi trên xe ô tô đều nghe rõ.

Sau khi chiếm đoạt được 0,158 BTC; 105.639.624 TRX (Tron); 19.330.000 BTT của anh Ng, T đã giao dịch bán trên sàn Binance chuyển đổi thành 168 Bitcoin. Sau đó Tài đã chia cho Trịnh Tuấn A 45 Bitcoin, chia Bitcoin cho Trần Ngọc H và H nhờ ông Tấn bán 26,8 Bitcoin. Tài còn nhờ Nguyễn Thị Thùy Linh môi giới bán Bitcoin, Linh bán cho đối tượng tên TON (không xác định được căn cước, lai lịch) 10 Bitcoin và ba lần quy đổi USDT được tổng số 4.768.000.000 đồng, Linh được hưởng lợi 6.000.000 đồng.

Trịnh Tuấn A sau khi được chia 45 Bitcoin, Tuấn A nhờ Tài bán giúp 23 Bitcoin, còn lại 22 Bitcoin Tuấn A đồng ý để Tài giữ lại làm vốn đầu tư chung. Tài nhờ Phạm Minh Thắng bán một lần 23 Bitcoin và 13 lần bán đồng USDT. Thắng đã môi giới bán và quy đổi cho Tài sang tiền Việt Nam tổng cộng được 8.348.000.000 đồng. Thắng đã chuyển tiền vào tài khoản 0171003461070 tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Trịnh Tuấn A và chuyển vào tài khoản số 19032974483017 của H Thị Trà My (bạn gái của Tuấn A) tại Ngân hàng Techcombank, sau đó Trà My lại chuyển vào tài khoản 0171003461070 tại Ngân hàng Vietcombank mang tên Trịnh Tuấn A tổng cộng là 5.060.000.000 đồng và chuyển cho Tài số tiền còn lại là 3.288.000.000 đồng, Thắng được hưởng lợi 11.000.000 đồng tiền môi giới. Về phía Tuấn A, sau khi nhận được tiền, Tuấn Anh đã chuyển 1.050.000.000 đồng cho H1 và chuyển 50.000.000 đồng cho Anh Tuấn.

Trần Ngọc H sau khi được chia Bitcoin, H nhờ Nguyễn Viết Tấn bán 26,8 Bitcoin được 5.649.000.000 đồng.

Sau khi chuyển thành tiền Việt Nam đồng thì Tài chuyển 500.000.000 đồng cho Trương Chí H1 để đưa cho Dũng, chuyển 270.000.000 đồng cho Bùi Quang Chung, chuyển 300.000.000 đồng cho Nguyễn Văn Đức, chuyển 460.000.000 đồng cho Phạm Văn Thành (trong đó của Thành là 210.000.000 đồng, Thành sẽ chia lại cho Hùng 250.000.000 đồng), chuyển 210.000.000 đồng cho Nguyễn Chí Thanh, chuyển 1.000.000.000 đồng cho Phốt (trong đó Tài nhờ Phốt cúng dường ở đền Cô Sáu của ông Nguyễn Kim Thành số tiền 800.000.000 đồng). Ngoài ra, thông qua H, Tài còn chuyển cho Thông và Phúc mỗi người 50.000.000 đồng nhưng Hoàng chỉ đưa cho Thông 50.000.000 đồng, không đưa tiền cho Phúc.

Sau khi nhận được tiền từ Tài chuyển, H1 giữ lại 50.000.000 đồng và chỉ đưa cho Dũng 450.000.000 đồng. Dũng đưa cho Bảo D 40.000.000 đồng, Bảo D giữ lại 25.000.000 đồng và chia cho Phương Duy 6.000.000 đồng, chia cho Việt

5.000.000 đồng, chia cho An 4.000.000 đồng.

Số tiền điện tử còn lại là 57,381 Bitcoin, Tài rút từ sàn Binance về ví T3 của Tài và chuyển hết số Bitcoin này lên sàn Torque đầu tư để được hưởng lãi hàng tháng.

Như vậy, sau khi chiếm đoạt được 0,158 BTC; 105.639.624 TRX; 19.330.000 BTT của anh Ng, từ ngày 17/5/2020 đến ngày 15/6/2020, Tài đã giao dịch trên sàn Binance chuyển đổi thành 168 BTC (Bitcoin). Tài chia Bitcoin cho Trần Ngọc H, H đã quy đổi 26,8 Bitcoin thành 5.649.000.000 đồng; Tài chia cho Trịnh Tuấn A 45 Bitcoin nhưng Tuấn A không giữ mà nhờ Tài quy đổi giúp 23 Bitcoin, số còn lại Tuấn A đầu tư cùng với Tài; Tài quy đổi 60,11 Bitcoin thành tiền Việt Nam đồng (trong đó quy đổi 37,11 Bitcoin của Tài và quy đổi 23 Bitcoin giúp cho Trịnh Tuấn A) được tổng cộng 13.231.000.000 đồng. Số Bitcoin còn lại Tài đưa lên sàn Torque, nhưng sau đó Tài lại chuyển 12,368 Bitcoin, 42,85 ETH và 13.519 USDT vào ví điện tử của vợ là Dương Thị Quỳnh Giao cất giữ, quá trình điều tra Tài và Giao không nhớ tên tài khoản, không nhớ mật khẩu.

Trong tổng số 168 Bitcoin, các bị cáo đã quy đổi tổng số 86,91 BTC (Bitcoin) được 18.880.000.000 đồng, số Bitcoin còn lại các bị cáo khai không nhớ tên và không nhớ mật khẩu đăng nhập nên không thu hồi được. Các bị cáo cùng tham gia với Tài được chia hưởng tổng cộng như sau:

- Trần Ngọc H được Tài chia Bitcoin và H đã bán 26,8 Bitcoin, nhận về 5.649.000.000 đồng. Ngoài ra, H còn nhận 50.000.000 đồng từ Tài để chuyển cho Phúc nhưng H không chuyển.

- Trịnh Tuấn A được chia 45 Bitcoin, đã bán 23 Bitcoin và nhận về 5.060.000.000 đồng, rồi Tuấn Anh đã chuyển 1.050.000.000 đồng cho H1. Do đó, ngoài số Bitcoin chưa bán thì Trịnh Tuấn A đã thực nhận số tiền 4.010.000.000 đồng

- Trương Chí H1 được Tuấn A chuyển 1.050.000.000 đồng, sau đó H chuyển cho Nguyễn Anh T1 50.000.000 đồng. Ngoài ra, H còn giữ 50.000.000 đồng từ Nguyễn Quốc D1, nên tổng cộng H nhận là 1.050.000.000 đồng.

- Nguyễn Anh T1 được chia 50.000.000 đồng (nhận từ H).

- Nguyễn Quốc D1 được chia 412.000.000 đồng (nhận tiền từ H).

- Nguyễn Văn Đức được chia 300.000.000 đồng (nhận tiền từ H).

- Bùi Quang Chung được chia 270.000.000 đồng (nhận tiền từ H).

- Phạm Văn Thành được chia 250.000.000 đồng (nhận tiền từ H).

- Phạm Văn H2 được chia 210.000.000 đồng (nhận tiền từ Thành).

- Nguyễn Chí Th1 được chia 210.000.000 đồng (nhận tiền từ Tài).

- Mai Xuân Ph nhận 1.000.000.000 đồng từ Tài (trong đó, Tài nhờ Phốt cúng dường ở đền Cô Sáu của ông Nguyễn Kim Thành và Phốt đã cúng dường

số tiền 800.000.000 đồng nên Phốt thực nhận 200.000.000 đồng).

- Phạm Hồ Bảo D được chia 20.000.000 đồng (nhận tiền từ Dũng).

- Chung Trần Phương D2 được chia 7.000.000 đồng (nhận tiền từ Bảo D).

- Phạm H V được chia 6.000.000 đồng (nhận tiền từ Bảo D).

- Dương KH A1 được chia 5.000.000 đồng (nhận tiền từ Bảo D).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 152/HĐĐGTS-TCKH ngày 26/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình gắn trên xe Lexus có tổng trị giá là 45.115.000 đồng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám xét nơi ở của các bị cáo đã thu giữ: 01 khẩu súng bắn đạn bi, 15 điện thoại di động các loại, 08 thẻ ngân hàng, 01 điện thoại Iphone X đã bị hư hỏng, 01 vỏ bảo vệ điện thoại Iphone. Kết quả điều tra xác định điện thoại Iphone X bị hư là của anh Ng, vỏ bảo vệ điện thoại Iphone là của chị Xuyến và một số vật chứng khác liên quan tới vụ án. Trưng cầu dấu vết (vân tay) thu được trên phương tiện có kết quả giám định là dấu vết vân tay của Hồ Ngọc Tài và đồng phạm.

Tại bản Kết luận giám định số 3702/C09B ngày 20/7/2020 và Công văn số 623/CV/C09B ngày 03/12/2020 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 02 khẩu súng Tài và Đức mua của Trương Phi Đạt để sử dụng vào việc đe dọa anh Ng là súng đồ chơi nguy hiểm, không pH là vũ khí quân dụng. Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hành vi mua bán, tàng trữ súng bắn đạn bi của Tài, Đức, Đạt bằng hình thức phạt tiền.

Tại bản Kết luận giám định số 3789/C09B ngày 07/8/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: tinh thể màu trắng (thu giữ của Trương Chí H1) gửi giám định có thành phần Fluoro Deschloroketamine (không có mẫu chuẩn để xác định được đồng phân quang học 2- Fluoro Deschloroketamine hay 3- Fluoro Deschloroketamine), không khẳng định được tinh thể màu này có pH là chất ma túy hay không nên chưa có căn cứ để xử lý.

Tại Kết luận giám định các dữ liệu điện tử (tin nhắn, ghi hình) trong điện thoại của các bị cáo số 3705/C09B ngày 18/9/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

- Tài liệu tin nhắn giữa bị cáo Hồ Ngọc Tài với các bị cáo trong vụ án có nội dung bàn bạc, lên kế hoạch, lựa chọn thời gian, địa điểm gây án, chuẩn bị công cụ phương tiện, phân công vai trò nhiệm vụ… để cướp tài sản, tiền điện tử của Nguyên và đặt mua, thanh toán tiền và nhận khẩu súng bắn đạn bi; thuê xe ô tô Innova.

- Tài liệu về hình ảnh các bị cáo Tài, H, Đức, Chung, Hùng, Thanh, Thành chụp với nhau tại Khách sạn A25; hình ảnh Tài, H, Tuấn A, Phốt chụp với nhau tại quán cà phê; hình ảnh Đức chụp cạnh xe Innova do Đức thuê; hình ảnh hai khẩu

súng bắn đạn bi; hình ảnh Phốt chụp khu vực Chung cư Vista Verde khi đang theo dõi, quan sát nhà anh Ng; hình ảnh xe ô tô hiệu Lexus, hình ảnh thiết định vị, hình ảnh chiếc búa đập kính được các bị cáo nhắn cho nhau.

Cơ quan điều tra đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín các số điện thoại của các bị hại và bị cáo trong vụ án. Căn cứ danh sách cuộc gọi đến, đi đã xác định thời gian gọi, thời lượng cuộc gọi, địa điểm cột sóng phù hợp với quá trình di chuyển của các bị can và bị hại phù hợp với tình tiết, diễn biến vụ án. Tiến hành xác minh và sao kê các giao dịch tài khoản liên quan đến việc chuyển tiền chiếm đoạt từ việc bán Bitcoin giữa Tài và đồng phạm, chuyển tiền giữa Tài và những người môi giới bán Bitcoin (Phạm Minh Thắng, Nguyễn Thị Thùy Linh, Nguyễn Viết Tấn, Trương Phi Đạt, Trương Mạnh Cường) và giao dịch chuyển tiền chia nhau giữa các bị cáo.

Kết quả điều tra xác định tỷ giá quy đổi giữa BTC (Bitcoin), TRX (Tron), BTT (Bittorent) sang VNĐ vào thời điểm 13h ngày 17/5/2020 trên các trang web: coinmarketcap.com, coingecko.com và tỷ giá này cũng được bị cáo Hồ Ngọc Tài, bị hại Lê Đức Ng xác nhận như sau: 1 BTC = 9.508 USDT; 1TRX = 0,014993 USDT; 1 BTT = 0,000271 USDT; 1 ETH = 201,73 USDT; 1 USDT = 23.306 đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại tổng số tiền 6.538.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Trong đó: gia đình Trịnh Tuấn A nộp 3.000.000.000 đồng; gia đình Hồ Ngọc Tài nộp 2.000.000.000 đồng; gia đình Mai Xuân Ph nộp 100.000.000 đồng; gia đình Phạm Hồ Bảo D nộp 20.000.000 đồng; gia đình Nguyễn Quốc D1 nộp 450.000.000 đồng; gia đình Nguyễn Anh T1 nộp 50.000.000 đồng; gia đình Chung Trần Phương D2 nộp 7.000.000 đồng; gia đình Phạm Văn Th nộp 50.000.000 đồng; gia đình Dương KH A1 nộp 5.000.000 đồng; gia đình Phan Văn Thông nộp 50.000.000 đồng; gia đình Phạm H V 6.000.000 đồng; ông Nguyễn Kim Thành (làm nghề thầy cúng) tự nguyện nộp 800.000.000 đồng là số tiền do Tài cúng tại miếu. Ngày 20/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 155/QĐ-VKSTC-V2 trả lại cho anh Lê Đức Ng số tiền 6.538.000.000 đồng.

Ngày 22/5/2022, chị Dương Thị Quỳnh Giao đã nộp số tiền 1.000.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Ngày 04/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 2612/QĐ-VKSTC-V2 trả lại cho anh Lê Đức Ng số tiền 1.000.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã có văn bản kiến nghị các ngân hàng phong tỏa T khoản của các bị cáo tổng số tiền là 614.832.874 đồng cụ thể: phong toả tài khoản Hồ Ngọc T tại Ngân hàng Techcombank số tiền 3.836.232 đồng; phong toả tài khoản của Trịnh Tuấn Anh tại Ngân hàng Vietcombank, số tiền 86.618.133 đồng; phong toả tài khoản của Nguyễn Văn Đức tại Ngân hàng Vietinbank, số tiền 6.547.425 đồng; phong toả tài khoản của Trương Chí H1 tại Ngân hàng Techcombank, một sổ tiết kiệm trị giá 500.000.000 đồng; phong toả tài khoản

của Nguyễn Anh Tuấn tại Ngân hàng BIDV, số tiền 17.852.084 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Tuy vậy, sau khi nhận được Bản kết luận điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Mai Xuân Ph, Dương KH A1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Anh T1 và Trần Ngọc H đã thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội và có đơn kêu oan cho rằng không tham gia hoặc không biết việc Tài cướp tiền điện tử của bị hại mà chỉ nghĩ đơn giản là tham gia giúp Tài đòi nợ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 223/2023/HSST ngày 16/5/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trịnh Tuấn A, Trương Chí H1, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Văn Đ, Mai Xuân Ph, Bùi Quang Ch, Phạm Văn H2, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1, Nguyễn Anh T1, Phạm Hồ Bảo D, Chung Trần Phương D2, Phạm H V, Dương KH A1 phạm tội "Cướp tài sản".

II. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hồ Ngọc Tài** tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2020.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trần Ngọc H** tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trịnh Tuấn A** 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trương Chí H1** 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2020.

5. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Quốc D1** 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

6. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn Đ** 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

7. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Mai Xuân Ph** 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

8. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Bùi Quang Ch** 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

9. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Phạm Văn H2** 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2020.

10. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Phạm Văn Th** 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2020.

11. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Chí Th1** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2020.

12. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Anh T1** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

13. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Phạm Hồ Bảo D** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/6/2020.

14. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Chung Trần Phương D2** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020.

15. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Phạm H V** 09 (chín) năm tù. Tổng hợp với phần hình phạt 04 (bốn) 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2020/HS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Phạm H V pH chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2020.

16. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Dương KH A1** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020.

III. Về phần trách nhiệm dân sự

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Buộc bị cáo Hồ Ngọc Tài và bị cáo Trần Ngọc H pH liên đới bồi thường cho ông Vũ Minh Hiếu 21.522.000 đồng (hai mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn đồng); liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị Hồng Xuyến 8.463.000 đồng (tám triệu, bốn trăm, sáu mươi ba nghìn đồng); liên đới bồi thường cho ông Lê Đức Ng 15.130.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 45.115.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng), phân định mỗi bị cáo pH bồi thường ½

là 22.557.500 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

2. Buộc bị cáo Hồ Ngọc Tài pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 5.331.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm ba mươi mốt triệu đồng), đã bồi thường 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), còn pH bồi thường 2.331.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm ba mươi mươi mốt triệu đồng).

3. Buộc bị cáo Trần Ngọc H pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 5.699.000.000 đồng (năm tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu đồng).

4. Buộc bị cáo Trịnh Tuấn A pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 4.010.000.000 đồng (bốn tỷ, không trăm mười triệu đồng), đã bồi thường 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), còn pH bồi thường 1.010.000.000 đồng (một tỷ, không trăm mười triệu đồng).

5. Buộc bị cáo Trương Chí H1 pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 1.050.000.000 đồng (một tỷ, không trăm, năm mươi triệu đồng). Trích 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) trong sổ tiết kiệm số: TA 03674038, số TK/MM: MM2013901382 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đứng tên Trương Chí H1 và 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai số AA/2021/0004683 ngày 11/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chuyển trả cho ông Lê Đức Ng. Bị cáo H còn pH bồi thường 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

6. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đức pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

7. Buộc bị cáo Bùi Quang Chung pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

8. Buộc bị cáo Phạm Văn Thành pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn pH bồi thường 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

9. Buộc bị cáo Phạm Văn H2 pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

10. Buộc bị cáo Nguyễn Chí Th1 pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng), đã bồi thường 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng). Trích số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo Biên lai số AA/2021/0004238 ngày 24/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chuyển trả cho ông Lê Đức Ng, bị cáo Thanh còn pH bồi thường 152.000.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu đồng).

11. Buộc bị cáo Mai Xuân Ph pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), đã bồi thường 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), còn pH bồi thường 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án

chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn pH chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Về phần xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Trích số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng mà chị Nguyễn Thị Thùy Linh đã nộp vào trong tài khoản của Cục CSĐT Tội phạm về Trật tự xã hội - Bộ Công để sung ngân sách nhà nước (theo Giấy nộp tiền ngày 30/5/2922).

2. Buộc anh Nguyễn Viết Tấn pH nộp lại số tiền 12.050.000 đồng (mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Buộc anh Phạm Minh Thắng pH nộp lại số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 34/LKB-CSHS-P6 ngày 19/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với Quyền sử dụng đất tại Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hoà Xuân, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Ngọc H và Trương Ngọc L để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị cáo H trong vụ án này. Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản nêu trên, số tiền thu được sau khi trừ các chi phí hợp lý sẽ bồi thường cho anh Lê Đức Ng tương ứng với số tiền mà bị cáo H pH bồi thường. Số tiền còn lại sau khi bồi thường (nếu có) thì tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

5. Tiếp tục duy trì các Lệnh phong tỏa tài khoản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của từng bị cáo bị phong tỏa tài khoản, cụ thể:

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 51/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 19034441838010 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đứng tên Hồ Ngọc Tài;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 52/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 0171003461070 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đứng tên Trịnh Tuấn A;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 53/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 102870215369 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) đứng tên

Nguyễn Văn Đ;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 54/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 14010001121542 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đứng tên Nguyễn Anh T1;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/CSHS ngày 01/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 060245462991 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) đứng tên Bùi Quang Ch;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 50/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong sổ tiết kiệm số: TA 03674038, số TK/MM: MM2013901382 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đứng tên Trương Chí H1.

Khi có bị cáo thi hành án xong nghĩa vụ thi hành án của mình thì Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành việc giải toả Lệnh phong toả tài khoản tương ứng cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

6. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục tạm giữ: 01 (một) sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) đứng tên Trương Chí H1, số sổ: TA03674038 của Ngân hàng Techcombank để giải quyết vấn đề liên quan đến Lệnh phong tỏa và nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Trương Chí H1.

7. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các điện thoại di động liệt kê dưới đây:

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone X vỏ màu trắng, ốp lưng bằng nhựa đã hỏng (hư hỏng, rỉ sét, không kiểm tra đươc imei, đời máy, tình trạng máy móc bên trong);

- 01 ĐTDĐ Iphone màu xanh rêu, có số sê ri: F21ZCHW4N70L và sim số: 0909505859 (được niêm phong có chữ ký của Hồ Ngọc Tài);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone màu trắng hồng, số imei: 353025096436472 và sim số 036.9951461 (được niêm phong có chữ ký của Trần Ngọc H);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone đen trắng, số imei: 356574100286065 và sim số: 077.543.7158 (được niêm phong có chữ ký của Trần Ngọc H);

- 01 ĐTDĐ hiêu OPPO F11 Pro màu xanh, số imei: 86418204127672, các sim số: 0961.273.776, các sim số: 961.273.776 và 0777.479.007 (không kiêm tra được imei, số thuê bao, do không có nguồn điện, thực nhận 01 điện thoại hiệu Oppo màu xanh);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, số imei: 353904102672322 và sim số: 0968.615.007 (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu vàng, không kiểm tra được imei, số thuê bao, tình trạng bên trong do không có nguồn điện, imei ở khay sim: 353904102672322);

- 01 ĐTDĐ Iphone màu vàng, số imei: 353966100387013 và sim số: 0938091122 (dán decal màu trắng, không kiểm tra được imei, số thuê bao, do không có nguồn điện, imei ở khay sim: 353966100387013);

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số imei 1: 354896111013465/01; imei 2: 354897111013463/01 và sim số (không kiểm tra được imei, số thuê bao do không có nguồn điện, dán decal màu trắng);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng, số máy: MWFA2LL/A, số seri: FCLZQ2AZN7UD và sim số: 0707209020 (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu trắng, không kiểm tra tình trạng, sim số, imei do không có nguền điện, imei ở khay sim:...7607);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 màu trắng, sim số: 0778454539 (thực nhận 01 điện thoại màu trắng, không kiểm tra được tình trạng, sim số, imei do không có nguồn điện, trầy màn hình, số imei ở khay sim:...2335);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Product màu đỏ, sim số: 0888546496 (không kiểm tra được tình trạng, sim số, imei do không có nguồn điện, model A1784);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh lá cây, số imei: 353891104008425, sim số: 0946.770.239 (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu xanh lá cây, không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, imei ở khay sim:...8425, kèm 01 sim);

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số imei: 359479/9, các sim số: 0908.708.949 và 0907.775.292 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...6479/7);

- 01 ĐTDĐ Samsung màu xanh, số imei: 356743/8 sim số: 0904.135.949 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...1743/6);

- 01 ĐTDĐ Iphone màu đen và các sim số: 0847945678 và 0966667538 (không kiêm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...2457);

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu trắng bạc, số imei: 352331081348818/33 và sim số: 0909.802.010 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...8818);

- 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 150 màu đen, số imei 1: 354195105037733, số imei 2: 354195105537732, sim số: 0377970234 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện);

8. Trả lại một số đồ vật sau cho các bị cáo:

- Trả lại cho bị cáo Mai Xuân Ph: 01 con dấu tròn của Công ty TNHH cung cấp thông tin H Kiều.

- Trả lại cho Bùi Quang Ch 01 căn cước công dân số 079096004764 và 01 thẻ Ngân hàng Sacombank số: 4221510427040236 mang tên Bùi Quang Ch.

- Trả lại cho Trần Ngọc H 03 thẻ ngân hàng mang tên Trần Ngọc H: 01 thẻ của VPBank có dãy số 5203993010848646; 01 thẻ Vietcombank có dãy số 4283100006109118; 01 thẻ SHB có dãy số: 9704431010635578.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Văn Đ, số 9704151534869368.

- Trả lại cho Trương Chí H1 02 thẻ Visa Ngân hàng Techcombank số: 4220758688301299 và số: 4221498663396258 mang tên Trương Trí H; 01 thẻ Ngân hàng Đông Á số: 9704061554830291 mang tên Trương Chí H1.

- Trả lại cho Nguyễn Chí Th1 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số: 9704366815548130 019 mang tên Nguyễn Chí Th1.

9. Tịch thu, tiêu hủy: 01 vỏ bảo vệ điện thoại Iphone màu hồng nhạt; 01 (một) cuộn băng dính màu trắng; 01 (một) thùng bằng vải và ny lông có hoa văn chấm bi màu đen trắng, bên trong đựng quần áo, khăn tắm của con gái Nguyên (bà Nguyễn Thị Liên giao nộp); 01 (một) giấy bảo đảm vàng của doanh nghiệp vàng Thanh Tuấn Mỹ Lệ; 01 (một) ba lô bằng vải màu đen; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) ổ cứng di động (USB) màu bạc viền đen hiệu EASY DISK; 01 khối nhựa màu trắng; 01 gương chiếu hậu bên trong xe ô tô; 09 đoạn băng dính màu vàng và màu trắng đã qua sử dụng; 01 cuộn băng dính màu trắng; 02 khâu trang y tế màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) khẩu trang y tế màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) cây bút bằng kim loại màu vàng dài 14cm; 01 (một) chiếc áo sơ mi màu trắng sọc đen; 01 (một) bật lửa màu tím; 01 (một) hộp thuốc lá hiệu Caraven, bên trong còn 12 điếu thuốc lá; 08 (tám) dấu vết đường vân ở mặt ngoài xe ôtô; 03 (ba) đoạn vải thun (01 đoạn được buộc hai đầu với nhau, kích thước 60x10cm; 01 (một) đoạn có một đầu thắt nút, kích thước 130x10cm; 01 (một) đoạn, kích thuớc 160x10cm); 01 (một) khẩu súng màu đen, trên thân súng có ký hiệu S-3M-1935 AJRSOFT CUN và 01 (một) túi nylon màu trắng trong, bên trong chứa các viên bi màu trắng (không pH vũ khí quân dụng, thuộc dạng súng đồ chơi nguy hiểm); khối hình hộp chữ nhật màu đen kích thuớc 11x 6 x 3 cm.

Các vật chứng trên thể hiện tại: Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/148 ngày 01/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển số 51H-263.14 (đứng tên Nguyễn Anh T1). Chiếc xe này đang tạm giữ tại Kho vật chứng thuộc Bộ Công an (phía Nam), địa chỉ: 258 Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản số 1742/C02-P6 ngày 16/5/2023 về việc quản lý vật chứng của Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an.

11. Trường hợp giữa Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và bị cáo Nguyễn Anh T1 nếu có tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản liên quan đến xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển số 51H-263.14 thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 26/5/2023, bị cáo Hồ Ngọc Tài có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/5/2023, bị cáo Trần Ngọc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo H.

Ngày 22/5/2023, bị cáo Trương Chí H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/5/2023, bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/5/202, bị cáo Bùi Quang Ch có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Chung với lý do tại Cáo trạng và Kết luận điều tra xác định bị cáo chỉ được hưởng lợi 240.000.000 đồng nhưng tại bản án sơ thẩm lại tuyên số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 270.000.000 đồng là không đúng.

Ngày 22/5/2023, bị cáo Trịnh Tuấn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/5/2023, bị cáo Nguyễn Quốc D1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/5/2023, bị cáo Nguyễn Anh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/5/2023, bị cáo Phạm Văn Th có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Thành với lý do tại Cáo trạng và Kết luận điều tra xác định bị cáo chỉ được hưởng lợi 190.000.000 đồng, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục 50.000.000 đồng, như vậy còn lại 140.000.000 đồng. Nhưng tại bản án sơ thẩm lại tuyên số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 250.000.000 đồng, đã khắc phục 50.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng là không đúng.

Ngày 22/5/2023, bị cáo Nguyễn Chí Th1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Thanh với lý do tại Cáo trạng và Kết luận điều tra xác định bị cáo chỉ được hưởng lợi 190.000.000 đồng, trong quá trình điều tra gia đình bị cáo đã khắc phục 20.000.000 đồng cộng với số tiền 38.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Quốc D1 đồng ý khắc phục thay cho bị cáo Thành, như vậy bị cáo Thành còn lại 132.000.000 đồng. Nhưng tại bản án sơ thẩm lại tuyên số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 210.000.000 đồng, đã khắc phục 58.000.000 đồng, còn lại 152.000.000 đồng là không đúng.

Ngày 26/5/2023, người bị hại Lê Đức Ng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Ngọc L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung tuyên tiếp tục kê biên đối với QSDĐ tại Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hòa Xuân, phường Hòa Xuân,

quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Ngọc H và Trương Ngọc L. Do QSDĐ này ½ là của bà Lệ và ½ của bị cáo H, nguồn tiền mua đất là do vợ chồng bà Lệ dành dụm và vay mượn nên bà Lệ yêu cầu không kê biên, tịch thu 1/2 QSDĐ của bà Lệ.

Ngày 23/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước xe ô tô mang Biển kiểm soát 51H-263.14, nhãn hiệu FORD EVEREST với lý do xe ô tô này được hình thành từ nguồn vốn vay và đang được thế chấp tại VIB theo đúng quy định pháp luật, đề nghị giao trả xe ô tô này cho Ngân hàng để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

- Bị cáo Hồ Ngọc Tài giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo chỉ phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 bởi vì cấp sơ thẩm chưa định giá tài sản và tiền ảo chưa được pháp luật Việt Nam bảo hộ nên bị cáo không phạm tội cướp tài sản theo khoản khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử. Đồng thời, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử là quá nặng.

- Bị cáo Trần Ngọc H giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là quá nặng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng vai trò, mức độ tham gia của bị cáo trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò chỉ huy là không đúng, bị cáo chỉ làm theo chỉ đạo của bị cáo Tài, không tham gia bàn bạc, lên kế hoạch cùng bị cáo Tài như Bản án sơ thẩm nhận định. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo không có nhận 33 Bitcoin từ bị cáo Tài, chỉ cáo chỉ nhận được 290.000.000 đồng tiền Việt nên bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho người bị hại 290.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo pH bồi thường khoảng 5,6 tỷ đồng là không đúng. Về phần xử lý tang vật, trong điện thoại của bị cáo bị công an thu giữ có chứa một số lượng tiền ảo là 0,19 Bitcoin và một số đồng ETH nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trả lại cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền ảo cho bị cáo để bị bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại.

- Bị cáo Trương Chí H1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nặng.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là quá nặng, bị cáo không pH là chủ mưu, cầm đầu, bị cáo chỉ làm đạo của bị cáo Tài. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo giúp sức tích cực cho bị cáo Tài là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá lại vai trò, mức độ tham gia của bị cáo để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Bùi Quang Ch giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo vì bị cáo chỉ được chia 240.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo được chia 270.000.000 đồng là không đúng.

- Bị cáo Trịnh Tuấn A giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là quá nặng, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo có vai trò giúp sức tích cực là không đúng.

- Bị cáo Nguyễn Quốc D1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là quá nặng, quá nghiêm khắc, bị cáo chỉ có vai trò thứ yếu trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo giúp sức tích cực, chỉ huy là không đúng. Đồng thời, bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ là có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Anh T1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là quá nặng. Tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát đề nghị mức án cho bị cáo là từ 7 đến 9 năm tù nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên phạt bị cáo 12 năm tù là quá nghiêm khắc. Đồng thời, bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Phạm Văn Th giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo vì bị cáo chỉ được nhận 190.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo được chia 250.000.000 đồng là không đúng.

- Bị cáo Nguyễn Chí Th1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo vì bị cáo chỉ được nhận 190.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo được chia 210.000.000 đồng là không đúng.

2. Phần hỏi

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Ngọc L giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hòa Xuân, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ½ là của bà Lệ và ½ của bị cáo H. Bà Lệ xuất trình chứng cứ chứng minh nguồn tiền mua ½ lô đất của bà Lệ là do bà Lệ vay của ông Lê Tấn và thế chấp bằng chính lô đất này. Ông Tấn đã khởi kiện bà Lệ ra Tòa án để đòi tiền, đã có phán quyết của Tòa án và cơ quan thi hành án đã ban hành Quyết định thi hành án đối với bà Lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chỉ kê biên ½ QSDĐ của bị cáo H, không kê biên ½ QSDĐ của bà Lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo Tuấn ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VIB vay 600.000.000 đồng để mua xe ô tô mang Biển

kiểm soát 51H-263.14, nhãn hiệu FORD EVEREST và thế chấp chính xe ô tô này cho Ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện tại bị cáo Tuấn đã trả 130.000.000 đồng tiền gốc và 58.117.918 đồng tiền lãi. Hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng VIB đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, Ngân hàng là bên thứ ba ngay tình được pháp luật bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao xe ô tô mang Biển kiểm soát 51H-263.14, nhãn hiệu FORD EVEREST để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp.

3. Phần tranh luận

3.1 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

3.1.1 Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1, Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1, Nguyễn Văn Đ, của người bị hại – Lê Đức Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Ngọc L và Ngân hàng VIB làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.1.2 Về nội dung:

- Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo về việc cho rằng tiền ảo chưa được pháp luật Việt Nam bảo hộ nên các bị cáo chỉ phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1, Nguyễn Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Tài, H, H, Tuấn A, Dũng, Tuấn, Đức phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo Tài, H, Đức kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới làm căn cứ để giảm nhẹ hình phạt. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo H, Dũng, Tuấn, Tuấn A cung cấp một số tình tiết mới xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên những tình tiết này cũng không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên hình phạt chung thân đối với các bị cáo Tài, H; hình phạt 19 năm tù đối với bị cáo Tuấn A; hình phạt 18 năm tù đối với bị cáo H; hình phạt 17 năm tù đối với bị cáo Dũng, 16 năm tù đối với bị cáo Đức và hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo Tuấn là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo Tài, H, H, Tuấn A, Dũng, Tuấn, Đức giữ nguyên mức hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc H, Bùi Quang Ch,

Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1 đề nghị xem xét lại về phần trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra đã xác định chính xác số tiền các bị cáo được hưởng lợi, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo pH bồi thường cho bị hại là đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H, Chung, Thành, Thanh về phần trách nhiệm dân sự là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị hại Lê Đức Ng yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; Yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Ngọc L, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3.2 Phần đối đáp của luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Ngọc Tài: Đồng ý về tội danh nhưng không đồng ý với khung hình phạt mà Viện kiểm sát quy kết đối với bị cáo Tài. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định bị cáo Tài chỉ phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, bởi vì tiền ảo không pH là tài sản, chưa được pháp luật Việt Nam bảo hộ, không thể định giá được, Tòa án cấp sơ thẩm quy đổi tiền ảo thành Việt Nam đồng để xét xử bị cáo Tài phạm tội cướp tài sản theo khoản 4 Điều 168 là không đúng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo nộp lại hơn 6 tỷ đồng. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã trả lại cho bị hại số tiền này trước khi xét xử sơ thẩm là không đúng quy định, vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để triều tra lại, xác định các bị cáo phạm tội cướp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

3.3 Phần đối đáp của các luật sự bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc H: Tiền ảo không pH là tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội cướp tài sản theo khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không đúng. Không có cơ sở quy đổi tiền ảo thành Việt Nam đồng, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tài sản Bitcoin không cần thiết pH định giá là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H có vai trò chỉ huy là không đúng, bị cáo H chỉ làm theo chỉ đạo của bị cáo Tài, chỉ giúp sức cho bị cáo Tài. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H có vai trò ngang bị cáo Tài và pH chịu mức án bằng bị cáo Tài là không đúng với tính chất, mức độ tham gia của bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo H xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới là ông ngoại của vợ bị cáo H là liệt sỹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người liên quan – bà Trương Ngọc L.

3.4 Phần đối đáp luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Chí H1: Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát quy kết đối với bị cáo H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H vì bị cáo H có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

thêm cho bị cáo H tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H.

3.5 Phần đối đáp của bị cáo Bùi Quang Ch: Bị cáo Tài chuyển cho bị cáo 240.000.000 đồng, bị cáo đã chuyển lại cho bị cáo Đức 30.000.000 đồng.

3.6 Phần đối đáp của luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Tuấn A: Đồng ý về tội danh nhưng không đồng ý với khung hình phạt mà Viện kiểm sát quy kết đối với bị cáo. Mức án mà Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Tuấn A là quá nặng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Tuấn A phạm tội với vai trò tích cực là không đúng. Đồng thời, bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo Tuấn A có nhân thân tốt, ông bà nội là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hàng Nhì, bị cáo Tuấn A là người khắc phục hậu quả nhiều nhất trong các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tuấn A.

3.7 Phần đối đáp của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc D1: Đồng ý về tội danh nhưng không đồng ý với khung hình phạt mà Viện kiểm sát quy kết đối với bị cáo vì Bitcoin không pH là tài sản, các bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 2 Điều 168 không pH khoản 4 Điều 168 như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Dũng vì bị cáo Dũng có vai trò giúp sức không đáng kể, bị cáo Dũng không pH là người lên ý tưởng về việc va chạm xe, không pH là người chỉ đạo bị cáo Bảo D va chạm xe, bị cáo Dũng chỉ giới thiệu bị cáo Bảo D cho bị cáo Tài. Khi xảy ra hành vi phạm tội, bị cáo Dũng chỉ vô tình có mặt trên đường, không chủ động tham gia vụ án. Đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo Dũng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, v khoản 1 Điều 51 do bị cáo Dũng có nhiều giấy khen, bằng khen trong quá trình 20 năm công tác tại Công an TP.HCM. Ngoài ra, bị cáo Dũng có nhân thân tốt, ông bà ngoại của bị cáo Dũng là người có công với cách mạng, bị cáo Dũng là lao động chính duy nhất trong gia đình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Dũng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Dũng.

3.8 Phần đối đáp của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T1: Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát quy kết đối với bị cáo Nguyễn Anh T1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Anh T1 vì mức án sơ thẩm tuyên cho bị cáo Tuấn là quá nặng. Tại phiên tòa sơ thẩm Viện kiểm sát chỉ đề nghị mức án từ 7 đến 9 năm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên phạt bị cáo Tuấn 12 năm, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định vai trò, mức độ tham gia của bị cáo Tuấn trong vụ án có đồng phạm này là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Tuấn có vai trò không đáng kể, không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước, bị cáo Tuấn chỉ tham gia 4 tiếng và trong thế bị động là đang lái xe trên cao tốc mới được nghe bị cáo H nói về việc phạm tội. Bị cáo Tuấn chỉ được hưởng 50.000.000 đồng nhưng số tiền này là do bị cáo H tự chuyển chứ bị cáo Tuấn không đòi hỏi, cũng không có sự thỏa thuận từ trước nếu tham gia thì bị cáo H sẽ chia cho bị cáo

Tuấn bao nhiêu. Do bị cáo Tuấn chỉ tham gia với vai trò giúp sức không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Tuấn khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Tuấn cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là ông, bà nội của bị cáo Tuấn là người có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Tuấn để tương xứng với vai trò, mức độ tham gia của bị cáo Tuấn. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng VIB, giao xe ô tô mang Biển kiểm soát 51H-263.14, nhãn hiệu FORD EVEREST cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ.

3.9 Phần đối đáp của bị cáo Phạm Văn Th: Bị cáo Tài chuyển cho bị cáo 210.000.000 đồng, sau đó bị cáo đã chuyển cho bị cáo Chung 20.000.000 đồng.

3.10 Phần đối đáp của bị cáo Nguyễn Chí Th1: Bị cáo Tài chuyển cho bị cáo 210.000.000 đồng, sau đó bị cáo đã chuyển cho bị cáo Chung 20.000.000 đồng.

3.11 Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Lê Đức Ng trình bày: Trong quá trình điều ta, xét xử Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau: Chưa xác minh, phong tỏa đầy đủ các tài khoản ngân hàng của các bị cáo để đảm bảo thi hành án cho người bị hại; Chưa làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Thu Hà, Dương Thị Quỳnh Giao là bỏ lọt tội phạm; không chuyển trả cho người bị hại số tiền ảo mà bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H đang còn lưu trữ trong tang vật vụ án (điện thoại) là chưa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

3.12 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Ngọc L trình bày: Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hòa Xuân, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng là do bà Lệ và bị cáo H hùn tiền nhận chuyển nhượng QSDĐ, trong đó ½ là của bà Lệ và ½ của bị cáo H. Số tiền của bà Lệ là do bà Lệ vay của ông Lê Tấn, khi nhận chuyển nhượng bị cáo H không nói cho bà Lệ biết số tiền của bị cáo H là do bị cáo H cướp bitcoin mà có. Bà Lệ xuất trình các chứng cứ chứng minh nguồn tiền mà bà Lệ nhận chuyển nhượng QSDĐ, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ kê biên ½ QSDĐ của bị cáo H, trả lại cho bà Lệ ½ QSDĐ thuộc quyền sử dụng của bà Lệ.

3.13 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng VIB có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Hợp đồng thế chấp của Ngân hang VIB đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định. Hợp đồng thế chấp hợp pháp, quyền lợi của Ngân hàng được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Ngân hàng không biết hành vi của bị cáo Tuấn sử dụng tài sản đảm bảo để thực hiện hành vi phạm tội nên Ngân hàng không có lỗi. Bị cáo Tuấn đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên căn cứ theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng được quyền thu giữ, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn. Về quyền xử lý tài sản đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 199, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015, Thông tư liên tịch số 16. Bản án sơ thẩm tuyên tịch thu xe ô tô là tài sản đảm bảo để sung vào Ngân

sách nhà nước là không đúng quy định tại Điều 297, Điều 298, Điều 217, Điều 230 Bộ luật dân sự năm 2015, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Ngân hàng VIB. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao trả vật chứng là xe ô tô mang Biển kiểm soát 51H-263.14, nhãn hiệu FORD EVEREST cho Ngân hàng VIB để Ngân hàng xử lý thu hồi vốn theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng.

Đại diện viện kiểm sát, các luật sư bào chữa cho các bị cáo, luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại, các bị cáo, những người có quyền có lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm về phần tranh tụng của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

4. Phần các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1, Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1, Nguyễn Văn Đ; Người bị hại – ông Lê Đức Ng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan –bà Trương Ngọc L, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) đã thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1, Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố, Bộ công an thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[2.1] Bị cáo Hồ Ngọc T và bị cáo Trần Ngọc Hoàng quen biết anh Lê Đức Nguyên vào năm 2018 và đã nghe anh Ng tư vấn bán khoảng 1.000 Bitcoin tương đương 100.000.000.000 đồng để mua các loại tiền điện tử mới như Aureus, Ifans… trên các sàn giao dịch điện tử quốc tế nhưng bị thua lỗ mất hết số tiền đầu tư. Bị cáo Tài cho rằng việc mình thua lỗ là do bị anh Ng lừa nên năm 2020 bị cáo Tài đã rủ bị cáo H cùng tìm anh Ng để đòi lại số tiền đã mất thì bị cáo H đồng ý. Sau đó, bị cáo Tài gặp và đặt vấn đề với bị cáo Trịnh Tuấn A (bạn cùng kinh doanh tiền điện tử với bị cáo Tài) về việc tìm anh Ng và thỏa thuận sẽ chia cho bị cáo Tuấn A 30% số tiền lấy được của anh Ng, bị cáo Tuấn A đồng ý. Bị cáo Tuấn A đã nhờ bị cáo Trương Chí H1 đi tìm anh Ng nhưng chưa có kết quả. Ngày 11/5/2020, các bị cáo T, Hoàng gặp các bị cáo Tuấn Anh, H1 bàn bạc thống nhất việc thuê xe ô tô và tìm thêm người để khống chế anh Ng

nên bị cáo H đã nhờ bị cáo Nguyễn Quốc D1 giúp đỡ.

Một mặt bị cáo Tài nhờ các bị cáo Tuấn A, H tìm anh Lê Đức Ng, mặt khác bị cáo Tài nhờ bị cáo Mai Xuân Ph tìm nhà anh Ng từ cuối tháng 4/2020. Đến ngày 12/5/2020, bị cáo Tài và bị cáo H tìm được nơi đậu xe ô tô của anh Ng nên bị cáo Tài chỉ đạo bị cáo Phốt gắn thiết bị định vị lên nhíp ở gầm sau xe ô tô Lexus màu trắng, biển số 49A-178.67 của anh Ng. Để có thêm lực lượng, bị cáo H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại rủ bị cáo Bùi Quang Ch cùng tham gia, rồi bị cáo Chung rủ thêm bạn là bị cáo Phạm Văn Thành và bị cáo Thành rủ thêm các bị cáo Nguyễn Chí Thanh, Phạm Văn Hùng cùng tham gia.

Chiều ngày 13/5/2020, bị cáo T điện cho bị cáo Tuấn A nói sẽ trả công 500.000.000 đồng cho người lái xe cố ý va chạm với xe của anh Lê Đức Ng nên bị cáo Tuấn A điện thoại thông báo cho bị cáo H, bị cáo H điện thoại cho bị cáo Nguyễn Quốc D1 để tìm người lái xe va chạm với xe của anh Ng. Đến ngày 14/5/2020, bị cáo Dũng điện thoại rủ bạn là bị cáo Phạm Hồ Bảo D nhờ bị cáo Bảo D tìm người lái xe ô tô tạo vụ tai nạn với xe ô tô của anh Ng thì bị cáo Bảo D đồng ý thực hiện. Tối cùng ngày 16/5/2020, bị cáo Bảo D gọi điện cho các bị cáo Chung Trần Phương Duy, Dương KH A1 và Phạm Hoàng Việt cùng tham gia.

Đến 09 giờ 27 phút ngày 17/5/2020, theo dõi qua định vị phát hiện thấy xe ô tô của anh Ng di chuyển từ thành phố Bảo Lộc hướng về Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phốt định gọi cho bị cáo Tài nhưng bị cáo Tài đã gọi điện thoại cho bị cáo Phốt trước để xác định vị trí xe ô tô của anh Ng. Sau khi biết chính xác vị trí xe của anh Ng thì bị cáo Tài gọi điện báo cho bị cáo Tuấn A và bị cáo H, bị cáo H điện thoại cho bị cáo Bảo D biết và cùng hành động như sau:

- Bị cáo Đức điều khiển xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 chở các bị cáo T, Hoàng, Chung, Thành, Thanh và Hùng đến chùa Minh Đăng Quang ở Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đợi nhóm của bị cáo H1.

- Bị cáo Nguyễn Anh Tuấn điều khiển xe ô tô Ford Everest biển số 51H-263.14 đến đón bị cáo Trịnh Tuấn A và đến nhà bị cáo H chở bị cáo H1 cùng đi đến chùa Minh Đăng Quang ở Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhóm của bị cáo T, rồi cùng nhau đi lên đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây. Trên đường đi, bị cáo H1 nói cho bị cáo Anh Tuấn biết nhóm của bị cáo T đang muốn tìm "con nợ" bằng cách tạo va chạm với xe "con nợ" buộc "con nợ" pH xuống xe để chuyển tiền. Bị cáo Anh Tuấn chở bị cáo H đi trước dẫn đường, chọn điểm va chạm rồi thông báo cho nhóm của bị cáo Tài và bị cáo Bảo D tạo vụ tai nạn với xe của anh Ng.

- Bị cáo Bảo D điều khiển xe ô tô bán tải nhãn hiệu Nissan biển số 51C-968.57 đón các bị cáo Việt, An và Phương Duy đi đến điểm hẹn ở cuối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây. Trên xe, bị cáo Bảo Duy cho các bị cáo Phương Duy, Việt và An biết việc bị cáo Bảo Duy sẽ lái xe va chạm với xe "con nợ" để "con nợ" pH1 xuống xe, tạo điều kiện cho "chủ nợ" đến khống chế "con nợ" lấy tiền.

Khi ra tới Quốc lộ 1A, tất cả 03 xe xe đậu bên lề đường hướng về đường rẽ lên cao tốc Dầu Giây - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đợi xe ô tô Lexus màu trắng biển số 49A-178.67 của anh Ng đi qua để tiến hành theo kế hoạch.

Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày 17/5/2020, phát hiện xe ô tô Lexus màu trắng biển số 49A-178.67 của anh Ng do anh Vũ Minh Hiếu điều khiển chạy qua, bị cáo Bảo Duy lái xe ô tô bán tải Nissan biển số 51C-968.57 chở các bị cáo Phương Duy, Việt, An chạy đuổi theo được một đoạn thì đâm vào phần đuôi bên pH1 xe ô tô Lexus màu trắng. Khi xe ô tô bị va chạm thì anh Ng và anh Hiếu dừng xe lại, xuống kiểm tra thì bị cáo Bảo Duy đến nói chuyện rồi gây sự với anh Ng và anh Hiếu, cố tình kéo dài thời gian để chờ nhóm của bị cáo Tài đến, còn các bị cáo Phương Duy, Việt, An vẫn ngồi trên xe ô tô. Ngay sau đó, bị cáo Đức lái xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 chở các bị cáo T, Hoàng, Chung, Thanh, Thành, Hùng vượt lên, đậu xe chặn trước đầu xe ô tô Lexus. Tại đây, các bị cáo Đức, Chung, Thanh, Thành, Hùng từ xe ô tô Fortuner biển số 51G-803.73 bước xuống đến khống chế anh Ng, anh Hiếu vào ghế sau xe ô tô Lexus và kéo chị Xuyến (vợ Nguyên) cùng cháu Lê Vũ Trâm Anh ra khỏi xe ô tô Lexus sang xe ô tô Fortuner. Về phía các bị cáo Tuấn Anh, H1, Anh Tuấn cùng ngồi trên xe ô tô Ford Everest biển số 51H-263.14 vượt lên đậu xe chặn trước đầu xe ô tô Lexus để theo dõi, quan sát, khi cần thiết thì hỗ trợ.

Sau khi khống chế được anh Ng và anh Hiếu thì các bị cáo Tài, H từ xe Fortuner sang xe ô tô Lexus, trên xe Lexus bị cáo H cầm khẩu súng bắn đạn bi lên đạn dọa sẽ bắn, còn bị cáo Hùng dùng đầu bút bi giả làm kim tiêm dọa nếu anh Ng không chuyển tiền sẽ bắn, sẽ chích kim tiêm dính máu nhiễm HIV vào người. Đến khoảng 12 giờ 38 phút cùng ngày (17/5/2020), khi xe qua trạm thu phí Dầu Giây thì bị cáo Hoàng lấy điện thoại của anh Ng, ép anh Ng pH đọc mật khẩu để mở điện thoại truy cập vào ví điện tử của anh Ng, còn bị cáo Hùng và bị cáo Thanh mở băng keo bịt mắt anh Ng để bị cáo H đưa điện thoại dí sát mặt anh Ng để máy điện thoại nhận dạng khuôn mặt nhưng vẫn chưa chuyển tiền được nên bị cáo Tài tiếp tục thao tác và chuyển được 0,158 BTC; 105.639.624 TRX; 19.330.000 BTT từ ví TRX, ví BTT của anh Ng sang ví BTT của bị cáo T. Và khi bị cáo Hoàng lái xe ô tô Lexus về khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh thì dừng lại. Tại đây, bị cáo Tài và bị cáo H đã lấy 01 camera hành trình gắn trên xe ô tô Lexus của anh Ng, 03 điện thoại Iphone của anh Ng, anh Hiếu, chị Xuyến.

Sau khi chiếm đoạt được 0,158 BTC; 105.639.624 TRX; 19.330.000 BTT và chiếm đoạt 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình có tổng trị giá là 45.115.000 đồng, bị cáo T đã chuyển BTC, TRX, BTT trên sàn Binance chuyển đổi thành 168 Bitcoin, sau đó các bị cáo đã quy đổi tổng số 86,91 BTC (Bitcoin) được 18.880.000.000 đồng và các bị cáo được chia tiền, Bitcoin cụ thể như sau:

- Bị cáo Trần Ngọc H đã bán 26,8 Bitcoin, nhận về 5.649.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H còn nhận 50.000.000 đồng từ bị cáo Tài để chuyển cho bị cáo Phúc nhưng bị cáo H không chuyển. Tổng cộng bị cáo H thực nhận được tiền

đồng là 5.699.000.000 đồng.

- Bị cáo Trịnh Tuấn A đã bán 23 Bitcoin và nhận về 5.060.000.000 đồng, rồi bị cáo Tuấn Anh đã chuyển 1.050.000.000 đồng cho bị cáo H1. Do đó, ngoài số Bitcoin chưa bán thì bị cáo Trịnh Tuấn A đã thực nhận số tiền 4.010.000.000 đồng

- Bị cáo Trương Chí H1 được bị cáo Tuấn A chuyển 1.050.000.000 đồng, sau đó bị cáo H chuyển cho bị cáo Nguyễn Anh T1 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H còn giữ 50.000.000 đồng từ bị cáo Nguyễn Quốc D1, nên tổng cộng bị cáo H nhận là 1.050.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Anh T1 được chia 50.000.000 đồng (nhận từ bị cáo H).

- Bị cáo Nguyễn Quốc D1 được chia 412.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo H).

- Bị cáo Nguyễn Văn Đức được chia 300.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo H).

- Bị cáo Bùi Quang Chung được chia 270.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo H).

- Bị cáo Phạm Văn Thành được chia 250.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo H).

- Bị cáo Phạm Văn H2 được chia 210.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo Thành).

- Bị cáo Nguyễn Chí Th1 được chia 210.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo Tài).

- Bị cáo Mai Xuân Ph nhận 1.000.000.000 đồng từ bị cáo Tài (trong đó, bị cáo Tài nhờ bị cáo Phốt cúng dường ở đền Cô Sáu của ông Nguyễn Kim Thành và bị cáo Phốt đã cúng dường số tiền 800.000.000 đồng nên bị cáo Phốt chỉ thực nhận 200.000.000 đồng).

- Bị cáo Phạm Hồ Bảo D được chia 20.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo Dũng).

- Bị cáo Chung Trần Phương D2 được chia 7.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo Bảo D).

- Bị cáo Phạm H V được chia 6.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo Bảo D).

- Bị cáo Dương KH A1 được chia 5.000.000 đồng (nhận tiền từ bị cáo Bảo D).

Các bị cáo đã có hành vi khống chế anh Lê Đức Ng, anh Vũ Minh Hiếu, chị Vũ Thị Hồng Xuyến, sử dụng súng dọa sẽ bắn, dọa sẽ chích kim tiêm dính máu nhiễm HIV để ép anh Ng đọc mật khẩu làm cho anh Ng, anh Hiếu, chị Xuyến lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tiền điện tử của anh Ng và chuyển đổi số tiền điện tử đã chiếm đoạt thành tiền đồng Việt Nam. Thực tế các bị cáo đã chiếm đoạt được 0,158 BTC; 105.639.624 TRX;

19.330.000 BTT quy đổi thành 168 Bitcoin rồi tiếp tục chuyển đổi 86,91 Bitcoin thành tiền đồng Việt Nam và chiếm đoạt 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình. Các bị cáo chiếm đoạt 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình và chiếm đoạt tiền điện tử rồi chuyển đổi số tiền điện tử đã chiếm đoạt thành tiền đồng Việt Nam thì pH xác định giá trị 03 điện thoại di động, 01 camera và số tiền đồng Việt Nam mà bị cáo đã quy đổi thành công là căn cứ xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Trong vụ án này, các bị cáo đã chiếm đoạt được 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình có tổng trị giá là 45.115.000 đồng và 168 Bitcoin rồi quy đổi 86,91 BTC (Bitcoin) được **18.880.000.000 đồng**.

Các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1, Nguyễn Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được việc dùng vũ lực, khống chế người bị hại để chiếm đoạt tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vì lợi ích cá nhân các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Vụ án có đồng phạm, hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, tạo dư luận xấu trong xã hội.

[2.2] Với hành vi nêu tại mục [2.1], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Anh T1, Nguyễn Văn Đ phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo yêu cầu xác định các bị cáo chỉ phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và các luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng các bị cáo chiếm đoạt tiền điện tử (tiền ảo), nhưng hiện nay pháp luật chưa có quy định cụ thể về tiền điện tử (tiền ảo) và đây không pH là tài sản theo quy định tại Điều 105 Bộ luật dân sự nên Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo chiếm đoạt 18.880.000.000 đồng (quy đổi từ 86,91 Bitcoin). Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định các bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét thấy, tội "Cướp tài sản" là tội có cấu thành hình thức, mục đích của các bị cáo trong vụ án này là chiếm đoạt tiền đồng thông qua việc chiếm giữ Bitcoin (tiền điện tử, tiền ảo). Ngay từ đầu bị cáo Tài và các đồng phạm mong muốn chiếm đoạt khoảng 200.000.000.000 đồng của anh Lê Đức Ng bằng việc khống chế, ép buộc anh Ng, người thân của anh Ng pH chuyển khoảng 1.000 Bitcoin. Thực tế các bị cáo đã khống chế, chuyển thành công 168 Bitcoin, rồi quy đổi 86,91 Bitcoin được 18.880.000.000 đồng và đã chiếm đoạt 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình trị giá 45.115.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 168

Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hồ Ngọc Tài

[4.1] Bị cáo **Hồ Ngọc Tài** vừa là người khởi xướng, chủ mưu, bàn bạc, thống nhất ngay từ đầu với bị cáo H để thực hiện hành vi phạm tội và lôi kéo bị cáo Tuấn A tham gia. Bị cáo Tài cùng với bị cáo H phân công các bị cáo Tuấn A, H, Dũng điều hành nhóm của bị cáo Bảo D (gồm các bị cáo Bảo D, Phương Duy, Việt, An) thực hiện việc va chạm với xe ô tô của anh Ng. Bị cáo Tài là người trực tiếp thực hiện thao tác chuyển BTC, TRX, BTT từ ví điện tử của anh Ng sang ví điện tử của bị cáo Tài nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo bị cáo Tài và bị cáo H là có vai trò cao nhất, trong đó vai trò của bị cáo Tài là người cầm đầu, bị cáo H có vai trò chỉ huy là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Tài có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả (3.000.000.000 đồng/5.331.000.000 đồng); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có 02 con nhỏ (sinh năm 2014 và năm 2018) là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét về nhân thân của bị cáo Tài; từ đó xử phạt bị cáo Tài tù chung thân là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Tài thực hiện.

[4.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tài kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tài, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tài, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tài.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc H:

[5.1] Bị cáo **Trần Ngọc H** ngoài việc bàn bạc, lên kế hoạch với bị cáo Tài thì bị cáo H cũng là người chỉ huy, lôi kéo bị cáo Nguyễn Văn Đ, chỉ đạo bị cáo Đức lôi kéo các bị Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1, Phạm Văn H2 tham gia, sau đó chỉ đạo bị cáo Đức thuê xe tô tô, chỉ đạo Chung mua kim tiêm, thuốc đỏ (giả là máu), dây chun, băng keo y tế để khống chế bị hại. Bị cáo H cùng với bị cáo Tài phân công các bị cáo Tuấn A, H, Dũng điều hành nhóm của bị cáo Bảo D (gồm các bị cáo Bảo D, Phương Duy, Việt, An) thực hiện việc va chạm với xe ô tô của anh Ng. Đồng thời, bị cáo H là người trực tiếp khống chế, đe dọa anh Ng để bị cáo Tài thực hiện các thao tác chuyển BTC, TRX, BTT từ ví điện tử của anh Ng sang ví điện tử của bị cáo Tài nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Tài và bị cáo H là có vai trò cao nhất, trong đó vai trò của bị cáo

Tài là người cầm đầu, bị cáo H có vai trò chỉ huy là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có 03 con nhỏ (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018) là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xem xét về nhân thân của bị cáo H; từ đó xử phạt bị cáo H tù chung thân là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo H thực hiện.

[5.2] Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bào chữa cho bị cáo H cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình vợ của bị cáo H có công với cách mạng, cụ thể là ông ngoại của bà Trương Ngọc L (vợ bị cáo H) – ông Nguyễn Bút là liệt sĩ theo Tổ quốc ghi công số ngày 18/5/2006. Nhưng tình tiết này không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo H.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Tuấn A:

[6.1] Bị cáo Tuấn A được bị cáo Tài đặt vấn đề sẽ chia 30% số tiền lấy được từ anh Ng, bị cáo Tuấn A đã lôi kéo bị cáo H tham gia, bị cáo H rủ rê bị cáo Dũng tìm thêm người. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Tuấn A là người giúp sức tích cực cho bị cáo Tài, trong đó vai trò của bị cáo Tuấn A cao hơn bị cáo H, bị cáo Dũng là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Tuấn A có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả (3.000.000.000 đồng/4.010.000.000 đồng); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về nhân thân của bị cáo Tuấn A, từ đó xử phạt bị cáo Tuấn A 19 (mười chín) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Tuấn A thực hiện.

[6.2] Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Tuấn A cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình bi cáo Tuấn A có công với cách mạng và xuất trình Huân chương kháng chiến hạng Nhì của ông Nguyễn Ngọc Minh (luật sư trình bày là ông nội của bị cáo Tuấn A). Tuy nhiên, đây chỉ là bản photo không pH bản sao, không xuất trình được bản chính để đối chiếu. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tuấn A, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tuấn A, chấp nhận đề

nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Tuấn A.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Chí H1:

[7.1] Bị cáo **Trương Chí H1** được bị cáo Tuấn A lôi kéo tham gia và bị cáo H đồng ý, bị cáo H rủ rê bị cáo Dũng tìm thêm người (bị cáo H được chia 1.050.000.000 đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo H là người giúp sức tích cực cho bị cáo Tài, trong đó vai trò của bị cáo cao hơn bị cáo Dũng, thấp hơn bị cáo Tuấn A là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả (550.000.000 đồng/1.050.000.000 đồng); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có 02 con nhỏ (sinh năm 2017 và năm 2019), mẹ là bà Lê Thị Ngọc Oanh đang bị ung thư trực tràng; Bản thân bị cáo H được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND Phường 12, quận Phú Nhuận tham gia bắt cướp trên địa bàn và nhiều giấy khen của Chủ tịch UBND quận Phú Nhuận và Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh khi còn là cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về nhân thân của bị cáo H, từ đó xử phạt bị cáo H 18 (mười tám) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo H thực hiện.

[7.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, cũng như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo H.

[8] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quốc D1:

[8.1] Bị cáo Dũng không trực tiếp cùng các đồng phạm khác đe dọa cướp tài sản của anh Ng, nhưng bị cáo Dũng là người tư vấn cách va chạm xe, lôi kéo bị cáo Bảo D tham gia (bị cáo Dũng được chia 410.000.000 đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Dũng là người giúp sức tích cực cho bị cáo Tài, trong đó vai trò của bị cáo Dũng thấp hơn các bị cáo Tuấn A, H là đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Dũng có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả (100%); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Dũng có 02 con nhỏ (sinh năm 2018 và năm 2021), quá trình làm việc được tặng nhiều giấy khen, được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, hạng nhì là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét bị cáo Dũng có nhân thân tốt, từ đó xử phạt bị cáo Dũng 17 (mười bảy) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Dũng thực hiện.

[8.2] Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bào chữa cho bị cáo Dũng xuất trình các tình tiết trong quá trình công tác tại bị cáo Dũng được Giám đốc công an TP.HCM tặng danh hiệu Chiến sĩ tiến tiến các năm 2011, 2012, 2014; Được Giám đốc công an TP.HCM tặng Giấy khen ngày 03/4/2012; Giấy khen ngày 30/3/2012, Giấy khen ngày 23/7/2014, Giấy khen ngày 13/8/2014; Giấy khen ngày 03/11/2014; Giấy khen ngày 29/01/2015; Giấy khen ngày 17/9/2018; Giấy khen ngày 04/10/2019; Được Ban chấp hành Thành đoàn TP.HCM tặng Giấy khen ngày 29/8/2012, Giấy khen ngày 12/11/2013, Giấy khen ngày 05/9/2014, Giấy khen ngày 27/5/2015; Được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì ngày 30/12/2010, 11/5/2012, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba ngày 10/12/2010; Được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM tặng Giấy khen ngày 07/11/2011 vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng Trường học thân thiện – Học sinh tích cực năm học 2010 – 2011 tuy nhiên các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và cho bị cáo Dũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Luật sư bào chữa cho bị cáo Dũng còn xuất trình tình tiết gia đình bị cáo Dũng có công với cách mạng, cụ thể ông ngoại của bị cáo Dũng là ông Hồ Văn Bảy được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất ngày 24/12/1998 vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bà ngoại của bị cáo Dũng là bà Nguyễn Thị Xuyến được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba ngày 11/10/1989 vù đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Dũng từ 18 đến 20 năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Dũng 17 năm tù là đã dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát. Do đó, sau khi xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét và tình tiết giảm nhẹ mới bị cáo xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy mức án 17 năm tù là đã tương xứng với tính chất, mức độ mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Dũng thực hiện. Tình tiết mới bị cáo Dũng xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không

chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dũng, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Dũng.

[9] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Anh T1:

[9.1] Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận định về vai trò của bị cáo Tuấn, chưa đánh giá tính chất và mức độ tham gia phạm tội của bị cáo Tuấn. Xét thấy,

Bị cáo Tuấn là người điều khiển xe ô tô của mình đưa bị cáo H và bị cáo Tuấn A đi ra đường cao tốc, bị cáo Tuấn có mặt tại hiện trường, nhưng không tham gia chặn xe, khống chế anh Ng cùng các bị cáo khác, sau đó bị cáo Tuấn chở các bị cáo khác về (bị có Tuấn được chia 50.000.000 đồng). Do đó, cần xác định bị cáo Tuấn phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Tài, với vai trò mờ nhạt, không đáng kể. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo Tuấn có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả (100%); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 từ đó xử phạt bị cáo Tuấn 12 (mười hai) năm tù là có phần hơi nghiêm so với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tại phiên tòa sơ thẩm là từ 7 đến 9 năm tù.

[9.2] Bị cáo Tuấn có nhân thân tốt (cấp sơ thẩm chưa xem xét nhân thân của bị cáo Tuấn), phạm tội lần đầu. Đồng thời, tại cấp phúc thẩm, bị cáo Tuấn xuất trình thêm tình tiết mới là ông nội của bị cáo Tuấn – ông Nguyễn Văn E là người người có công với cách mạng: Ông Nguyễn Văn E được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì ngày 23/11/1984 vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba ngày 22/12/1962 vì đã có thành tích phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; bà nội của bị cáo Tuấn – Đặng Thị Đoan là người có công với cách mạng: Được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì ngày 07/3/1986 vì đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo có con nhỏ (sinh năm 2018) là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm một phần hình phạt cho bị cáo Tuấn để tương xứng với tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo Tuấn và tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Tuấn thực hiện.

[10] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ:

[10.1] Bị cáo Đức được bị cáo Trần Ngọc H rủ rê tham gia và bị cáo Đức đồng ý (bị cáo Đức được chia 300.000.000 đồng), bị cáo Đức rủ rê, lôi kéo thêm các bị cáo Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1, Nguyễn Văn Hùng cùng tham gia, bị cáo Đức là người chuẩn bị công cụ, phương tiện để gây án, trực tiếp khống chế, đe dọa, sử dụng vũ lực đối với người bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Đức là người giúp sức tích cực cho bị cáo Tài là

đúng. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Đức có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về nhân thân của bị cáo Đức, từ đó xử phạt bị cáo Đức 16 (mười sáu) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo Đức thực hiện.

[10.2] Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đức kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đức, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đức.

[11] Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo và kháng cáo yêu cầu được nhận lại số tiền ảo trong các điện thoại bị thu giữ của bị cáo

[11.1] Đối với kháng cáo đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo H

[11.1.1] Quá trình điều tra đã xác định các bị cáo chiếm đoạt 03 điện thoại di động, 01 camera hành trình, sau đó bị cáo Tài và bị cáo H phi tang do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Tài và bị cáo H pH liên đới bồi thường các tài sản trên cho các bị hại với tổng trị giá 45.115.000 đồng (bồi thường cho anh Vũ Minh Hiếu 21.522.000 đồng; bồi thường cho chị Vũ Thị Hồng Xuyến 8.463.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Đức Ng 15.130.000 đồng), phân định mỗi bị cáo pH bồi thường ½ là 22.557.500 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11.1.2] Đối với số tiền điện tử mà các bị cáo đã chiếm đoạt: Bị cáo Trần Ngọc H đã bán 26,8 Bitcoin, nhận về 5.649.000.000 đồng và nhận 50.000.000 đồng từ bị cáo Tài để chuyển cho bị cáo Phúc nhưng bị cáo H không chuyển cho bị cáo Phúc, tổng cộng bị cáo H đã nhận 5.699.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Trần Ngọc H có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Đức Ng số tiền 5.699.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[11.1.3] Bị cáo H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H không xuất trình được chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H.

[11.2] Đối với kháng cáo yêu cầu được nhận lại số tiền ảo trong các điện

thoại bị thu giữ của bị cáo H

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các điện thoại di động của các bị cáo: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone màu trắng hồng, số imei: 353025096436472 (được niêm phong có chữ ký của bị cáo H); 01 ĐTDĐ hiệu Iphone đen trắng, số imei: 356574100286065 (được niêm phong có chữ ký của bị cáo H) là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với số tiền ảo còn lại trên các điện thoại di động là vật chứng trong vụ án, pháp luật Việt Nam chưa thừa nhận tiền ảo là tài sản, do đó không căn cứ trả lại cho bị cáo H số tiền ảo này.

[12] Đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Quang Ch đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo

Bị cáo Bùi Quang Ch kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Chung với lý do bị cáo Chung cho rằng bị cáo chỉ được hưởng lợi 240.000.000 đồng nhưng tại bản án sơ thẩm lại tuyên số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 270.000.000 đồng là không đúng.

Xét thấy, tại Cáo trạng, Kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể bị cáo Bùi Quang Ch được chia 270.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Bùi Quang Ch có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Đức Ng số tiền 270.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chung, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Chung.

[13] Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Th đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo

Bị cáo Phạm Văn Th kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Thành với lý do bị cáo Thành cho rằng bị cáo chỉ được hưởng lợi 190.000.000 đồng, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục 50.000.000 đồng, như vậy còn lại 140.000.000 đồng. Nhưng tại bản án sơ thẩm lại tuyên số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 250.000.000 đồng, đã khắc phục 50.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng là không đúng.

Xét thấy, tại Cáo trạng, Kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể bị cáo Phạm Văn Th được chia 250.000.000 đồng, trong quá trình điều tra gia đình bị cáo Thành đã nộp 50.000.000 đồng và sau đó Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chuyển số tiền này cho anh Ng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Phạm Văn Th còn có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Đức Ng số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thành, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Thành.

[14] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí Th1 đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo

Bị cáo Nguyễn Chí Th1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Thanh với lý do bị cáo Thanh cho rằng bị cáo chỉ được hưởng lợi 190.000.000 đồng, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục 20.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Quốc D1 đồng ý khắc phục thay cho bị cáo 38.000.000 đồng, như vậy còn lại 132.000.000 đồng. Nhưng tại bản án sơ thẩm lại tuyên số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 210.000.000 đồng, đã khắc phục 58.000.000 đồng, còn lại 152.000.000 đồng là không đúng.

Xét thấy, tại Cáo trạng, Kết luận điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể bị cáo Nguyễn Chí Th1 được chia 210.000.000 đồng, trong quá trình điều tra gia đình bị cáo Thanh đã nộp 20.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Quốc D1, bà Trần Quang Thanh Xuân (vợ bị cáo Dũng) tự nguyện chuyển số tiền 38.000.000 đồng còn dư để cấn trừ vào nghĩa vụ pH bồi thường của bị cáo Nguyễn Chí Th1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Chí Th1 còn có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Đức Ng số tiền 152.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chung, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Chung.

[15] Đối với kháng cáo của người bị hại – anh Lê Đức Ng

[15.1] Anh Lê Đức Ng kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, phong tỏa đầy đủ các tài khoản ngân hàng của các bị cáo để đảm bảo thi hành án cho người bị hại; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Thu Hà, Dương Thị Quỳnh Giao là bỏ lọt tội phạm; Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển trả cho người bị hại số tiền ảo mà bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H đang còn lưu trữ trong tang vật vụ án (điện thoại).

[15.2] Đối với yêu cầu xác minh, phong tỏa các tài khoản mà các bị cáo đã mở tại các ngân hàng

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có văn bản kiến nghị các ngân hàng phong tỏa T khoản của các bị cáo tổng số tiền là 614.832.874 đồng cụ thể: Phong toả tài khoản của bị cáo Hồ Ngọc T tại Ngân hàng Techcombank số tiền 3.836.232 đồng; phong toả tài khoản của bị cáo Trịnh Tuấn Anh tại Ngân hàng Vietcombank, số tiền 86.618.133 đồng; phong toả tài khoản của bị cáo Nguyễn Văn Đức tại Ngân hàng Vietinbank, số tiền 6.547.425 đồng; phong toả tài khoản của bị cáo Trương Chí H1 tại Ngân hàng Techcombank đối với một sổ tiết kiệm trị giá 500.000.000 đồng; phong toả tài khoản của bị cáo Nguyễn Anh Tuấn tại Ngân hàng BIDV, số tiền 17.852.084 đồng. Xét thấy, trong quá trình điều tra đã xác minh các tài khoản mà các bị cáo đã mở tại các ngân hàng từ đó ban hành các Lệnh phong tỏa là đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người bị hại kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xác minh, phong tỏa tài khoản mà các bị cáo đã mở tại các ngân hàng để đảm bảo thi hành nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo là không ảnh hưởng đến nội

dung vụ án, không cần thiết pH hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại. Trong quá trình thi hành án, người bị hại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xác minh, phong tỏa tài khoản ngân hàng của các bị cáo (nếu có) theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[15.3] Đối với Dương Thị Quỳnh Giao:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Giao được bị cáo Hồ Ngọc Tài cài đặt ví điện tử trên máy điện thoại của Giao, Giao không biết sự việc bị cáo Tài cùng đồng bọn cướp tài sản của anh Ng, sau khi bị cáo Tài bị bắt, sợ bị mất tiền nên Giao đã chuyển hết số tiền ảo gồm 12 BTC (Bitcoin), 41 ETH(Ethereum) và khoảng 13.500 USDT (Đô la điện tử) từ ví điện từ của bị cáo Tài sang ví điện tử của Giao rồi mang điện thoại đi cất trữ. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với Giao.

[15.4] Đối với Nguyễn Thị Thu Hà:

Hà biết bị cáo Hồ Ngọc Tài và anh Lê Đức Ng vào năm 2016 khi tham gia đầu tư vào dự án tiền ảo Bitkingdom, sau đó dự án này sập nên Hà, bị cáo Tài và nhiều người khác bị mất hết tiền đầu tư. Đầu năm 2020, bị cáo Tài liên lạc nhờ Hà cung cấp thông tin cá nhân của anh Ng để bị cáo Tài tìm gặp thương lượng lấy lại số tiền ảo đã bị mất. Do có thời gian làm nhân viên tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Long Xuyên, An Giang, nên Hà có các thông tin về số tài khoản, số chứng minh nhân dân, số điện thoại của anh Ng. Hà đã chuyển các thông tin này cho bị cáo Tài nhưng Hà không biết việc Tài và đồng bọn thực hiện hành vi cướp tài sản của anh Ng. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với Hà.

[15.5] Đối với số tiền ảo mà bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H đang còn lưu trữ trong tang vật vụ án (điện thoại)

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các điện thoại di động của các bị cáo: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone X vỏ màu trắng, ốp lưng bằng nhựa đã hỏng (hư hỏng, rỉ sét, không kiểm tra đươc imei, đời máy, tình trạng máy móc bên trong); 01 ĐTDĐ Iphone màu xanh rêu, có số sê ri: F21ZCHW4N70L; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone màu trắng hồng, số imei: 353025096436472; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone đen trắng, số imei: 356574100286065; 01 ĐTDĐ hiêu OPPO F11 Pro màu xanh, số imei: 86418204127672; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, số imei: 353904102672322; 01 ĐTDĐ Iphone màu vàng, số imei: 353966100387013; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số imei 1: 354896111013465/01; imei 2: 354897111013463; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng, số máy: MWFA2LL/A, số seri: FCLZQ2AZN7UD; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 màu trắng; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Product màu đỏ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh lá cây, số imei: 353891104008425; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số imei: 359479/9; 01 ĐTDĐ Samsung màu xanh, số imei: 356743/8 ;01 ĐTDĐ Iphone màu đen; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu trắng bạc, số imei: 352331081348818/33; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 150 màu đen,

số imei 1: 354195105037733, số imei 2: 354195105537732 là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với số tiền ảo còn lại trên các điện thoại di động là vật chứng trong vụ án, các bị cáo khai không nhớ tên và không nhớ mật khẩu đăng nhập nên các cơ quan tiến thành tố tụng không thể chuyển trả cho bị hại số tiền ảo này.

Từ các nhận định nêu tại mục [14.2], [14.3], [14.4] và [14.5], Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị hại về việc yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[16] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước xe ô tô mang Biển kiểm soát 51H-263.14, nhãn hiệu FORD EVEREST với lý do xe ô tô này được hình thành từ nguồn vốn vay và đang được thế chấp tại VIB theo đúng quy định pháp luật, đề nghị giao trả xe ô tô này cho Ngân hàng để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Xét thấy, xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển số 51H-263.14 do bị cáo Nguyễn Anh T1 đứng tên sở hữu. Ngày 17/5/2020, bị cáo Tuấn đã sử dụng xe ô tô này trực tiếp chở các bị cáo Trịnh Tuán Anh, Trương Chí H1 tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định xe ô tô này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Ngân hàng VIB kháng cáo yêu cầu giao trả xe ô tô này cho Ngân hàng để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ là không có căn cứ chấp nhận, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm về việc tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước đối với xe ô tô nhãn hiệu FORD mang biển kiểm soát 51H-263.14 do bị cáo Nguyễn Anh T1 đứng tên.

[17] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trương Ngọc L (vợ của bị cáo Trần Ngọc H)

Bà Trương Ngọc L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung tuyên tiếp tục kê biên đối với QSDĐ tại Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hòa Xuân, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Ngọc H và Trương Ngọc L. Bà Lệ kháng cáo cho rằng QSDĐ này ½ là của bà Lệ và ½ của bị cáo H, nguồn tiền mua đất là do vợ chồng bà Lệ dành dụm và vay mượn. Bà Lệ yêu cầu không kê biên, tịch thu 1/2 QSDĐ của bà Lệ.

Xét thấy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi thực hiện hành vi phạm tội (này 17/5/2020) bị cáo H đã bán 26,8 Bitcoin nhận về 5.649.000.000 đồng và sau đó bị cáo H mới mua lô đất nêu trên với giá hơn 2.500.000.000 đồng. Đồng thời trong quá trình điều tra bà Lệ cũng có lời khai nguồn gốc lô đất này được mua từ tiền bị cáo H bán Bitcoin. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lô đất này được mua từ tiền bị cáo H phạm tội mà có và tiếp

tục duy trì Lệnh kê biên tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo H, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lệ xuất trình Giấy vay tiền ngày 27/5/2020 giữa bà Trương Ngọc L và ông Lê Tấn số tiền vay 900.000.000 đồng. Xác nhận ngày 28/5/2020 của bà Hồ Thị Cẩm Hoa xác nhận bà Hoa là người môi giới và nhận 1.200.000.000 đồng từ bà Lệ để giao lại cho chủ đất. Tuy nhiên, đây chỉ là bản viết tay của bà Lệ, ông Tấn, bà Hoa không có chữ ký của bị cáo H, ngoài ra không có chứng cứ khác chứng minh bà Lệ vay tiền của ông Tấn để góp tiền với bị cáo H nhận chuyển nhượng QSDĐ, các chứng cứ này mâu thuẫn trực tiếp với lời khai của bà Lệ, của bị cáo H trước đó nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Bà Lệ còn xuất trình Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2023/QĐST-DS ngày 31/7/2023 của TAND quận H Châu, thành phố Đà Nẵng, vụ án đòi nợ thụ lý ngày 07/6/2023 là sau ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (ngày 16/5/2023) có nội dung bà Lệ đồng ý trả cho ông Lê Tấn 900.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi. Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 15/QĐ-CCTHADS ngày 02/10/2023 thi hành nội dung buộc bà Lệ trả cho ông Tấn số tiền 1.000.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà Lệ khởi kiện, Tòa án ban hành Quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự, cơ quan thi hành án ban hành Quyết định thi hành án đều sau thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Do đó, các tài liệu, chứng cứ này không chứng minh được nguồn tiền bà Lệ nhận chuyển nhượng QSDĐ là do bà Lệ vay của ông Tấn. Mặt khác, các tài liệu, chứng cứ bà Lệ mới xuất trình là mâu thuẫn trực triếp với lời khai của bà Lệ trước đó, mâu thuẫn với lời khai của bị cáo H trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lệ, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên Bản án sơ thẩm về việc tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 34/LKB-CSHS-P6 ngày 19/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với Quyền sử dụng đất tại Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hoà Xuân, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Ngọc H và Trương Ngọc L.

[18] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[19] Về án phí

[19.1] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo về quyết định về hình sự nhưng không được chấp nhận nên các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo pH chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

[19.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo về quyết định về dân sự không được chấp nhận nên các bị cáo cáo Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà

Trương Ngọc L và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) mỗi người pH chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I, Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T1; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Văn Đ, Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2023/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Anh T1:

A. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trịnh Tuấn A, Trương Chí H1, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Anh T1 phạm tội "Cướp tài sản".

B. Về hình phạt:

17. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hồ Ngọc Tài** tù **chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2020.

18. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trần Ngọc H** tù **chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

19. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trịnh Tuấn A** 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

20. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Trương Chí H1** 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2020.

21. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Quốc D1** 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

22. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn Đ** 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020.

23. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Anh T1** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

C. Về phần trách nhiệm dân sự

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Buộc bị cáo Hồ Ngọc Tài và bị cáo Trần Ngọc H pH liên đới bồi thường cho ông Vũ Minh Hiếu 21.522.000 đồng (hai mươi mốt triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn đồng); liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị Hồng Xuyến 8.463.000 đồng (tám triệu, bốn trăm, sáu mươi ba nghìn đồng); liên đới bồi thường cho ông Lê Đức Ng 15.130.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 45.115.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng), phân định mỗi bị cáo pH bồi thường ½ là 22.557.500 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

2. Buộc bị cáo Hồ Ngọc Tài pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 5.331.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm ba mươi mốt triệu đồng), đã bồi thường 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), còn pH bồi thường 2.331.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm ba mươi mươi mốt triệu đồng).

3. Buộc bị cáo Trần Ngọc H pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 5.699.000.000 đồng (năm tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu đồng).

4. Buộc bị cáo Bùi Quang Chung pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

5. Buộc bị cáo Phạm Văn Thành pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), còn pH bồi thường 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

7. Buộc bị cáo Nguyễn Chí Th1 pH bồi thường cho ông Lê Đức Ng số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng), đã bồi thường 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng). Trích số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo Biên lai số AA/2021/0004238 ngày 24/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh chuyển trả cho ông Lê Đức Ng, bị cáo Thanh còn pH bồi thường 152.000.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn pH chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

D. Về phần xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 34/LKB-CSHS-P6 ngày 19/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với Quyền sử dụng đất tại Lô đất B2.33, Lô 42 Khu E2 Hoà Xuân, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên Trần Ngọc H và Trương Ngọc L để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị cáo H trong vụ án này. Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản nêu trên, số tiền thu được sau khi trừ các chi phí hợp lý sẽ bồi thường cho anh Lê Đức Ng tương ứng với số tiền mà bị cáo H pH bồi thường. Số tiền còn lại sau khi bồi thường (nếu có) thì tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

2. Tiếp tục duy trì các Lệnh phong tỏa tài khoản để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của từng bị cáo bị phong tỏa tài khoản, cụ thể:

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 51/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 19034441838010 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đứng tên Hồ Ngọc Tài;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 52/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 0171003461070 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đứng tên Trịnh Tuấn A;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 53/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 102870215369 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) đứng tên Nguyễn Văn Đ;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 54/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 14010001121542 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đứng tên Nguyễn Anh T1;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/CSHS ngày 01/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong tài khoản: 060245462991 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) đứng tên Bùi Quang Ch;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 50/CSHS ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đối với số tiền trong sổ tiết kiệm số: TA 03674038, số TK/MM: MM2013901382 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đứng tên Trương Chí H1.

Khi có bị cáo thi hành án xong nghĩa vụ thi hành án của mình thì Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành việc giải toả Lệnh phong toả tài khoản tương ứng cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

3. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục tạm giữ: 01 (một) sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) đứng tên Trương Chí H1,

số sổ: TA03674038 của Ngân hàng Techcombank để giải quyết vấn đề liên quan đến Lệnh phong tỏa và nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Trương Chí H1.

4. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các điện thoại di động liệt kê dưới đây:

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone X vỏ màu trắng, ốp lưng bằng nhựa đã hỏng (hư hỏng, rỉ sét, không kiểm tra đươc imei, đời máy, tình trạng máy móc bên trong);

- 01 ĐTDĐ Iphone màu xanh rêu, có số sê ri: F21ZCHW4N70L và sim số: 0909505859 (được niêm phong có chữ ký của Hồ Ngọc Tài);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone màu trắng hồng, số imei: 353025096436472 và sim số 036.9951461 (được niêm phong có chữ ký của Trần Ngọc H);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone đen trắng, số imei: 356574100286065 và sim số: 077.543.7158 (được niêm phong có chữ ký của Trần Ngọc H);

- 01 ĐTDĐ hiệu OPPO F11 Pro màu xanh, số imei: 86418204127672, các sim số: 0961.273.776, các sim số: 961.273.776 và 0777.479.007 (không kiêm tra được imei, số thuê bao, do không có nguồn điện, thực nhận 01 điện thoại hiệu Oppo màu xanh);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng, số imei: 353904102672322 và sim số: 0968.615.007 (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu vàng, không kiểm tra được imei, số thuê bao, tình trạng bên trong do không có nguồn điện, imei ở khay sim: 353904102672322);

- 01 ĐTDĐ Iphone màu vàng, số imei: 353966100387013 và sim số: 0938091122 (dán decal màu trắng, không kiểm tra được imei, số thuê bao, do không có nguồn điện, imei ở khay sim: 353966100387013);

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số imei 1: 354896111013465/01; imei 2: 354897111013463/01 và sim số (không kiểm tra được imei, số thuê bao do không có nguồn điện, dán decal màu trắng);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng, số máy: MWFA2LL/A, số seri: FCLZQ2AZN7UD và sim số: 0707209020 (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu trắng, không kiểm tra tình trạng, sim số, imei do không có nguền điện, imei ở khay sim:...7607);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 màu trắng, sim số: 0778454539 (thực nhận 01 điện thoại màu trắng, không kiểm tra được tình trạng, sim số, imei do không có nguồn điện, trầy màn hình, số imei ở khay sim:...2335);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone Product màu đỏ, sim số: 0888546496 (không kiểm tra được tình trạng, sim số, imei do không có nguồn điện, model A1784);

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh lá cây, số imei: 353891104008425, sim số: 0946.770.239 (thực nhận 01 điện thoại Iphone màu xanh lá cây, không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, imei ở khay sim:...8425, kèm 01 sim);

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, số imei: 359479/9, các sim số: 0908.708.949 và 0907.775.292 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...6479/7);

- 01 ĐTDĐ Samsung màu xanh, số imei: 356743/8 sim số: 0904.135.949 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...1743/6);

- 01 ĐTDĐ Iphone màu đen và các sim số: 0847945678 và 0966667538 (không kiêm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...2457);

- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S7 Edge màu trắng bạc, số imei: 352331081348818/33 và sim số: 0909.802.010 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện, thực nhận imei sau lưng máy:...8818);

- 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 150 màu đen, số imei 1: 354195105037733, số imei 2: 354195105537732, sim số: 0377970234 (không kiểm tra được tình trạng, imei, sim số do không có nguồn điện);

5. Trả lại một số đồ vật sau cho các bị cáo:

- Trả lại cho bị cáo Mai Xuân Ph: 01 con dấu tròn của Công ty TNHH cung cấp thông tin H Kiều.

- Trả lại cho Bùi Quang Ch 01 căn cước công dân số 079096004764 và 01 thẻ Ngân hàng Sacombank số: 4221510427040236 mang tên Bùi Quang Ch.

- Trả lại cho Trần Ngọc H 03 thẻ ngân hàng mang tên Trần Ngọc H: 01 thẻ của VPBank có dãy số 5203993010848646; 01 thẻ Vietcombank có dãy số 4283100006109118; 01 thẻ SHB có dãy số: 9704431010635578.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 thẻ Ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Văn Đ, số 9704151534869368.

- Trả lại cho Trương Chí H1 02 thẻ Visa Ngân hàng Techcombank số: 4220758688301299 và số: 4221498663396258 mang tên Trương Trí H; 01 thẻ Ngân hàng Đông Á số: 9704061554830291 mang tên Trương Chí H1.

- Trả lại cho Nguyễn Chí Th1 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank số: 9704366815548130 019 mang tên Nguyễn Chí Th1.

Các vật chứng trên thể hiện tại: Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/148 ngày 01/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển số 51H-263.14 (đứng tên Nguyễn Anh T1). Chiếc xe này đang tạm giữ tại Kho vật chứng thuộc Bộ Công an (phía Nam), địa chỉ: 258 Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản số 1742/C02-P6 ngày 16/5/2023 về việc quản lý vật chứng của Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an.

7. Trường hợp giữa Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và bị cáo

Nguyễn Anh T1 nếu có tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản liên quan đến xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển số 51H-263.14 thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

II, Tiếp tục tạm giam các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Đ Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1 để đảm bảo thi hành án.

III, Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

IV, Về án phí:

1. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Hồ Ngọc Tài, Trần Ngọc H, Trương Chí H1, Trịnh Tuấn A, Nguyễn Quốc D1, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo pH chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

2.1. Các bị cáo Bùi Quang Ch, Phạm Văn Th, Nguyễn Chí Th1 mỗi bị cáo pH chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

2.2. Bà Trương Ngọc L pH chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được cấn trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Lệ đã nộp theo Biên lai đóng tạm ứng án phí số AA/2022/0001694 ngày 03/7/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Ngọc L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

2.3. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) pH chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được cấn trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ngân hàng VIB đã nộp theo Biên lai đóng tạm ứng án phí số AA/2022/0001619 ngày 19/6/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

V, Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa (T30) và trại tạm giam Bộ Công an (T17);
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Lưu: VP, HS (ĐTM)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn